

Số: 3540/ĐA-SYT

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 6 năm 2025

## ĐỀ ÁN

**Thành lập Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở  
hợp nhất Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Sở Y tế  
thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và Sở Y tế  
thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long**

### Phần thứ nhất

## THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE, SỞ Y TẾ TỈNH TRÀ VINH VÀ SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG TRƯỚC KHI HỢP NHẤT

### I. THỰC TRẠNG

#### A. SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE

##### 1. Thông tin chung

a) **Tên gọi:** Sở Y tế tỉnh Bến Tre

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Ben Tre Provincial Department of Health.

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

b) **Địa chỉ trụ sở chính:** số 39, đường Đoàn Hoàng Minh, phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Số điện thoại: 02753822164

Fax: 02753812671

- Website: <https://syt.bentre.gov.vn>

Email: [syt@bentre.gov.vn](mailto:syt@bentre.gov.vn)

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 58/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bến Tre; Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bến Tre.

d) Chức năng, nhiệm vụ: Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; trẻ em; quản lý sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em; bảo trợ xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy)".

## 2. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 04 Phó Giám đốc

b) Các Tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở

- (1) Văn Phòng Sở Y tế;
- (2) Thanh tra;
- (3) Phòng Nghiệp vụ;
- (4) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- (5) Phòng Dân số;
- (6) Phòng An toàn thực phẩm;
- (7) Phòng Quản lý công tác xã hội;

c) Các Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế

- (1) Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu;
- (2) Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh;
- (3) Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri;
- (4) Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An;
- (5) Bệnh viện Phổi;
- (6) Bệnh viện Tâm thần;
- (7) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre;
- (8) Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm;
- (9) Trung tâm Pháp y;
- (10) Trung tâm Giám định Y khoa;
- (11) Trung tâm Bảo trợ và Cung cấp dịch vụ công tác xã hội;
- (12) Trung tâm Bảo trợ Người tâm thần;
- (13) Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Bến Tre;
- (14) Trung tâm Y tế thành phố Bến Tre;
- (15) Trung tâm Y tế huyện Mỏ Cày Nam;
- (16) Trung tâm Y tế huyện Mỏ Cày Bắc;
- (17) Trung tâm Y tế huyện Ba Tri;
- (18) Trung tâm Y tế huyện Chợ Lách;
- (19) Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú;
- (20) Trung tâm Y tế huyện Giồng Trôm;
- (21) Trung tâm Y tế huyện Bình Đại;
- (22) Trung tâm Y tế huyện Châu Thành<sup>1</sup>

## 3. Vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

TT	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên	Tổng số công chức, viên chức thực hiện	Số CC, VC hiện có theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp
----	------------------------	-----------	--	---

<sup>1</sup> Trung tâm Y tế huyện Châu Thành có trụ sở chính đặt tại thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với 120 giường bệnh, có cơ sở 2 đặt tại thị trấn Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với tên gọi là Trung tâm Y tế huyện Châu Thành cơ sở Hàm Long với quy mô 80 giường bệnh nơi tập trung nhiều khu công nghiệp của tỉnh; cơ sở 2 trước đây là Bệnh viện Đa khoa Hàm Long nhập vào

		chế giao 2025	Tổng CC, VC có mặt đến ngày 30/4/ 2025	Trưởng phòng	Phó trưởng phòng và tương đương	Công chức/ viên chức	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
<b>I. Lãnh đạo Sở</b>											
1	Giám đốc	1	1				1				
2	Phó Giám đốc	4	4					4			
<b>II. Các Tổ chức tham mưu, chuyên môn, nghiệp vụ</b>											
1.	Văn phòng	15	12	1	1	10		3	9		
2.	Thanh tra	5	3	1	1	1		1	2		
3.	Phòng Nghiệp vụ	12	10	1	3	6		7	3		
4.	Phòng Kế hoạch - Tài chính	12	12	1	2	9		3	9		
5.	Phòng Dân số	8	7	1	0	6		2	4	1	
6.	Phòng An toàn thực phẩm	10	10	1	1	8		1	8	1	
7.	Phòng Quản lý công tác xã hội	7	6	0	2	4		4	2		
<b>III. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở</b>											
1.	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiêu	1444	1018	27	24	967	1	40	528	440	9
2.	Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh	460	328	17	12	299		10	157	159	2
3.	Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri	322	281	18	14	249		3	144	132	2
4.	Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An	213	207	13	17	177	0	4	113	87	3
5.	Bệnh viện Phổi	79	75	8	5	62	0	1	45	28	1
6.	Bệnh viện Tâm thần	104	103	5	15	83	0	4	59	40	0
7.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre	136	134	11	17	106	0	8	86	39	1
8.	Trung tâm Kiểm	23	22	2	0	20	0	1	12	8	1

TT	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên chế giao 2025	Tổng số công chức, viên chức thực hiện				Số CC, VC hiện có theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp				
			Tổng CC, VC có mặt đến ngày 30/4/2025	Trưởng phòng	Phó trưởng phòng và tương đương	Công chức/viên chức	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
	nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm										
9.	Trung tâm Pháp y	<b>16</b>	15	2	0	13			7	8	1
10.	Trung tâm Giám định Y khoa	<b>15</b>	13	2	0	11	0	3	5	5	1
11.	Trung tâm Bảo trợ và Cung cấp dịch vụ công tác xã hội	<b>44</b>	38	1	6	28		1	29	4	4
12.	Trung tâm Bảo trợ Người tâm thần	<b>29</b>	27	2	3	22		2	16	9	
13.	Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Bến Tre	<b>2</b>	0	0	1	0	0	0	2	0	0
14.	Trung tâm Y tế thành phố Bến Tre	<b>181</b>	176	14	21	141	0	6	65	105	0
15.	Trung tâm Y tế huyện Mô Cày Nam	<b>177</b>	175	25	16	134	0	3	13	158	1
16.	Trung tâm Y tế huyện Mô Cày Bắc	<b>155</b>	143	19	10	114		5	56	82	0
17.	Trung tâm Y tế huyện Ba Tri	<b>221</b>	215	20	20	175		1	85	129	0
18.	Trung tâm Y tế huyện Chợ Lách	<b>237</b>	225	20	23	180	0	4	96	122	1
19.	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú	<b>298</b>	287	25	19	243		3	128	154	2
20.	Trung tâm Y tế huyện Giồng Trôm	<b>321</b>	310	17	36	257		6	123	88	93
21.	Trung tâm Y tế huyện Bình Đại	<b>325</b>	316	30	38	157		2	147	174	2
22.	Trung tâm Y tế	<b>344</b>	328	26	19	283	0	6	5	0	1

TT	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên chế giao 2025	Tổng số công chức, viên chức thực hiện				Số CC, VC hiện có theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp				
			Tổng CC, VC có mặt đến ngày 30/4/2025	Trưởng phòng	Phó trưởng phòng và tương đương	Công chức/viên chức	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
	huyện Châu Thành										

#### 4. Tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

Trụ sở của Sở Y tế: Số 39 Đoàn Hoàng Minh, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Cơ chế tài chính thực hiện theo quy định chung về quản lý, phân cấp, phân bổ tài chính gắn với chức năng, nhiệm vụ theo mảng công tác và theo quy định của pháp luật về tài chính.

Trang thiết bị, phương tiện làm việc của Sở Y tế được trang bị theo quy định để đảm bảo cho Sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### B. SỞ Y TẾ TỈNH TRÀ VINH

##### 1. Thông tin chung

a) Tên gọi: Sở Y tế tỉnh Trà Vinh.

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Tra Vinh Provincial Department of Health.

- Thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

b) Địa chỉ trụ sở chính: 16 A, đường Nguyễn Thái Học, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Số điện thoại 0294 863051.

- Website: <https://syt.travinh.gov.vn/> Email: [soytetv@travinh.gov.vn](mailto:soytetv@travinh.gov.vn)

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 185/QĐ-UBT ngày 06/6/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thành lập Sở Y tế tỉnh Trà Vinh.

d) Chức năng, nhiệm vụ: thực hiện theo Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh

Sở Y tế tỉnh Trà Vinh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về y tế, gồm các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y, dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số và các dịch vụ công thuộc ngành y tế theo quy định của pháp luật.

Sở Y tế tỉnh Trà Vinh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà

Vinh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế.

## **2. Cơ cấu tổ chức**

a) Lãnh đạo Sở: khuyết Giám đốc và 03 Phó Giám đốc

b) Các Tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở

Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính;

Phòng Nghiệp vụ Y;

Phòng Nghiệp vụ Dược;

Phòng Kế hoạch - Tài chính;

Phòng Bảo trợ xã hội;

Thanh tra.

c) Các Chi cục thuộc Sở Y tế

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

d) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang;

Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần;

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi;

Bệnh viện Sản Nhi;

Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh;

Bệnh viện Phục hồi chức năng Trà Vinh;

Trung tâm Kiểm nghiệm;

Trung tâm Pháp y tỉnh;

Trung tâm Bảo trợ xã hội.

Trung tâm Y tế thành phố Trà Vinh

Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang

Trung tâm Y tế huyện Tiểu Cần

Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

Trung tâm Y tế huyện Càng Long

Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè

Trung tâm Y tế huyện Châu Thành

Trung tâm Y tế huyện Trà Cú

Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải

### 3. Vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

ST T	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên chế giao 2025	Tổng số công chức, viên chức thực hiện				Số CC, VC hiện có theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp				
			Tổng CC,VC có mặt đến ngày 30/4/2025	Trưởng phòng	Phó trưởng phòng	Công chức/viên chức	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
<b>I. Lãnh đạo Sở</b>		4	3								
1	Giám đốc	1	0								
2	Phó Giám đốc	3	3					3			
<b>II. Các Tổ chức tham mưu, chuyên môn, nghiệp vụ</b>		38	34	4	7	23		11	23		
1	Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính	5	5	0	2	3		1	4		
2	Phòng Kế hoạch - Tài chính	9	9	1	0	8		3	6		
3	Phòng Nghiệp vụ Y	5	5	1	1	3		3	2		
4	Phòng Nghiệp vụ Dược	5	3	0	1	2		1	2		
5	Phòng Bảo trợ xã hội	10	8	1	2	5		2	6		
6	Thanh tra Sở	4	4	1	1	2		1	3		
<b>III. Chi cục thuộc Sở</b>		24	22	1	2	19		1	21		
1	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	12	11	1	1	9		1	10		
2	Chi cục Dân số -KHHGD	12	11		1	10			11		
<b>IV. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở</b>											
1.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	120	109	1	2	106	0	3	73	33	0
2.	Bệnh viện Đa khoa tỉnh;	1030	923	1	4	918	2	26	326	565	4
3.	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang;	300	207	01	02	204		01	109	97	
4.	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần;	195	166	0	02	164	0	01	86	78	1
5.	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi;	106	106	1	2	103		3	57	46	

ST T	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên chế giao 2025	Tổng số công chức, viên chức thực hiện			Số CC, VC hiện có theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp					
			Tổng CC,VC có mặt đến ngày 30/4/2025	Trưởng phòng	Phó trưởng phòng	Công chức/viên chức	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
6.	Bệnh viện Sản Nhi;	378	241	1	3	237	1	17	98	125	0
7.	Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh;	85	79	01	02	76	0	07	34	38	0
8.	Bệnh viện Phục hồi chức năng Trà Vinh	82	08	0	0	08	0	0	08	0	0
9.	Trung tâm Kiểm nghiệm	28	28	01	0	27			18	10	
10.	Trung tâm Pháp y;	12	11	0	1	10	0	0	06	05	0
11.	Trung tâm Bảo trợ xã hội.	57	55	1	3	51		7	20	15	13
12.	Trung tâm Y tế thành phố Trà Vinh	97	95	01	01	93			35	60	
13.	Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang	126	124	0	2	122			46	78	
14.	Trung tâm Y tế huyện Tiểu Cần	105	105		02				47	56	
15.	Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải	114	114	01	01	112			37	58	
16.	Trung tâm Y tế huyện Càng Long	256	256	0	4	252	0	0	92	164	
17.	Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè	199	193	01	02	190		3	70	120	
18.	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	205	205	01	02	202		01	82	122	
19.	Trung tâm Y tế huyện Trà Cú	116	313	01	03	309		04	139	168	02
20.	Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải	174	173	01	01	171	0	0	79	94	

#### 4. Tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

Trụ sở của Sở Y tế: 16 a, đường Nguyễn Thái Học, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Cơ chế tài chính thực hiện theo quy định chung về quản lý, phân cấp, phân bổ tài chính gắn với chức năng, nhiệm vụ theo mảng công tác và theo quy định của pháp luật về tài chính.

Trang thiết bị, phương tiện làm việc của Sở Y tế được trang bị theo quy định để đảm bảo cho Sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

## **C. SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG**

### **1. Thông tin chung**

a) Tên gọi: Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Vinh Long Provincial Departement of Health.

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

b) Địa chỉ trụ sở chính:

- Trụ sở: Số 08, đường 30/4, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Số điện thoại: 02703 823 107.

- Website: <https://soyte.vinhlong.gov.vn>; Email: [syte@vinhlong.gov.vn](mailto:syte@vinhlong.gov.vn)

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 59/QĐ.UBT ngày 09/5/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thành lập Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long.

d) Chức năng, nhiệm vụ:

Thực hiện theo Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 65/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long.

- Sở Y tế (gọi tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về y tế, gồm các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y, dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội; trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội và các dịch vụ công thuộc ngành y tế theo quy định của pháp luật.

- Sở Y tế có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế.

### **2. Cơ cấu tổ chức**

a) Lãnh đạo Sở: Sở Y tế có Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

b) Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn thuộc Sở

Phòng Tổ chức - Hành chính;

Phòng Nghiệp vụ;

Phòng Kế hoạch - Tài chính;

Phòng Dân số - Chính sách xã hội.

### **3. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở**

Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long;

Bệnh viện Đa khoa khu vực Hòa Phú;  
 Bệnh viện Đa khoa khu vực kết hợp Quân Dân Y;  
 Bệnh viện Chuyên khoa Mắt Vĩnh Long;  
 Bệnh viện Phổi Vĩnh Long;  
 Bệnh viện Tâm Thần Vĩnh Long;  
 Bệnh viện Y dược cổ truyền Vĩnh Long;  
 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long;  
 Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế Vĩnh Long;  
 Trung tâm Pháp y Vĩnh Long;  
 Trung tâm Công tác xã hội Vĩnh Long;  
 Trung tâm Y tế thành phố Vĩnh Long;  
 Trung tâm Y tế huyện Long Hồ;  
 Trung tâm Y tế huyện Mang Thít;  
 Trung tâm Y tế Nguyễn Văn Thủ - huyện Vũng Liêm;  
 Trung tâm Y tế huyện Tam Bình;  
 Trung tâm Y tế huyện Trà Ôn;  
 Trung tâm Y tế huyện Bình Tân;  
 Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh.

### 3. Vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

TT	Tên đơn vị	Tổng biên chế/ số lượng người làm việc được giao giao năm 2025	Tổng số công chức, viên chức				Cơ cấu ngạch/ Chức danh nghề nghiệp				
			Tổng số công chức/ viên chức có mặt	Cấp trưởng	Cấp phó/ tương đương	Công chức/ Viên chức không giữ chức vụ	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
	<b>TỔNG SỐ CCVC</b>	<b>4.113</b>	<b>3.580</b>	<b>228</b>	<b>321</b>	<b>3.019</b>	<b>1</b>	<b>67</b>	<b>1.977</b>	<b>1.461</b>	<b>28</b>
<b>A</b>	<b>CÔNG CHỨC</b>	<b>65</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>45</b>	<b>1</b>	<b>9</b>	<b>46</b>	<b>3</b>	<b>1</b>
<b>I</b>	<b>Lãnh đạo Sở</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Giám đốc	1	1	1			1				
2	Phó Giám đốc	4	2		2			1	1		
<b>II</b>	<b>Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ</b>	<b>60</b>	<b>57</b>	<b>4</b>	<b>8</b>	<b>45</b>	<b>-</b>	<b>8</b>	<b>45</b>	<b>3</b>	<b>1</b>
1	Phòng Tổ chức - Hành	12	15	1	1	13		2	11	1	1

TT	Tên đơn vị	Tổng biên chế/ số lượng người làm việc được giao giao năm 2025	Tổng số công chức, viên chức				Cơ cấu ngạch/ Chức danh nghề nghiệp					
			Tổng số công chức/ viên chức có mặt	Cấp trưởng	Cấp phó/ tương đương	Công chức/ Viên chức không giữ chức vụ	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương	
	chính											
2	Phòng Kế hoạch - Tài chính	11	8	1	1	6			8			
3	Phòng Nghiệp vụ	20	17	1	3	13		1	15	1		
4	Phòng Dân số - Chính sách xã hội	17	17	1	3	13		5	11	1		
<b>B</b>	<b>VIÊN CHỨC</b>	<b>4.048</b>	<b>3.520</b>	<b>223</b>	<b>311</b>	<b>2.974</b>	<b>-</b>	<b>58</b>	<b>1.931</b>	<b>1.458</b>	<b>27</b>	
<b>III</b>	<b>Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở</b>	<b>4.048</b>	<b>3.520</b>	<b>223</b>	<b>311</b>	<b>2.974</b>	<b>-</b>	<b>58</b>	<b>1.931</b>	<b>1.458</b>	<b>27</b>	
<b>1</b>	<b>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long</b>	<b>107</b>	<b>96</b>	<b>1</b>	<b>9</b>	<b>86</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>77</b>	<b>18</b>	<b>-</b>	
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	3	1	2			1	2			
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	104	93		7	86			75	18		
<b>2</b>	<b>Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Long</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>11</b>	<b>-</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>-</b>	
a)	Lãnh đạo đơn vị	2	1		1			1				
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	13	14	2	1	11		1	6	7		
<b>3</b>	<b>Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế Vĩnh Long</b>	<b>29</b>	<b>25</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>18</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	2	1	1				2			
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	26	23	1	4	18			21	2		
<b>4</b>	<b>Trung tâm Công tác xã hội Vĩnh Long</b>	<b>72</b>	<b>69</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>2</b>	<b>28</b>	<b>27</b>	<b>12</b>	
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	4	1	3			2	2			
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	69	65	2	2	61			26	27	12	
<b>5</b>	<b>Bệnh viện chuyên khoa Mắt Vĩnh Long</b>	<b>50</b>	<b>38</b>	<b>4</b>	<b>8</b>	<b>26</b>	<b>-</b>	<b>3</b>	<b>30</b>	<b>5</b>	<b>-</b>	
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	3	1	2			2	1			
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	47	35	3	6	26		1	29	5		
<b>6</b>	<b>Bệnh viện Phổi Vĩnh Long.</b>	<b>90</b>	<b>86</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>71</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>46</b>	<b>27</b>	<b>12</b>	
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	2	1	1				2			
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	87	84	4	9	71		1	44	27	12	

TT	Tên đơn vị	Tổng biên chế/ số lượng người làm việc được giao giao năm 2025	Tổng số công chức, viên chức			Cơ cấu ngạch/ Chức danh nghề nghiệp					
			Tổng số công chức/ viên chức có mặt	Cấp trưởng	Cấp phó/ tương đương	Công chức/ Viên chức không giữ chức vụ	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
7	<b>Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long.</b>	75	66	1	8	57	-	2	31	33	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	2	1	1			1	1		
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	72	64		7	57		1	30	33	
8	<b>Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long.</b>	1.096	913	16	54	843	-	36	601	273	3
a)	Lãnh đạo đơn vị	4	3	1	2			3			
b)	Các đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc	1092	910	15	52	843		33	601	273	3
9	<b>Bệnh viện Đa khoa khu vực kết hợp Quân dân Y.</b>	28	23	3	3	17	-	-	13	10	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	2	1		1				1		
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	26	22	3	2	17			12	10	
10	<b>Bệnh viện Y dược cổ truyền Vĩnh Long.</b>	109	86	5	7	74	-	2	56	28	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	3	1	2			2	1		
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	106	83	4	5	74			55	28	
11	<b>Bệnh viện Đa khoa khu vực Hòa phú.</b>	58	49	2	5	42	-	1	2	-	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	2	1	1				2		
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	55	47	1	4	42		1			
12	<b>Trung tâm Y tế thành phố Vĩnh Long.</b>	367	289	18	24	247	-	4	143	142	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	2		2			1	1		
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	281	212	9	12	191		3	124	85	
c)	Các Trạm Y tế	83	75	9	10	56			18	57	
13	<b>Trung tâm Y tế huyện Long Hồ.</b>	243	228	20	19	177	-	1	115	112	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	2	1	1				2		
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	123	122	6	7	97		1	84	37	
c)	Các Trạm Y tế	117	104	13	11	80			29	75	
14	<b>Trung tâm Y tế huyện Mang Thít.</b>	237	212	18	22	172	-	-	150	62	-

TT	Tên đơn vị	Tổng biên chế/ số lượng người làm việc được giao giao năm 2025	Tổng số công chức, viên chức			Cơ cấu ngạch/ Chức danh nghề nghiệp					
			Tổng số công chức/ viên chức có mặt	Cấp trưởng	Cấp phó/ tương đương	Công chức/ Viên chức không giữ chức vụ	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	3	1	2			3			
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	148	138	7	8	123		113	25		
c)	Các Trạm Y tế	86	71	10	12	49		34	37		
<b>15</b>	<b>Trung tâm Y tế Nguyễn Văn Thủ - huyện Vũng Liêm.</b>	<b>284</b>	<b>251</b>	<b>29</b>	<b>33</b>	<b>189</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>135</b>	<b>116</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	2	1	1			2			
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	145	126	9	16	101		91	35	-	
c)	Các Trạm Y tế	136	123	19	16	88		42	81		
<b>16</b>	<b>Trung tâm Y tế huyện Trà Ôn.</b>	<b>307</b>	<b>290</b>	<b>24</b>	<b>29</b>	<b>237</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>115</b>	<b>175</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	3	1	2			3			
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	194	186	10	14	162		95	91		
c)	Các Trạm Y tế	110	101	13	13	75		17	84		
<b>17</b>	<b>Trung tâm Y tế huyện Tam Bình.</b>	<b>401</b>	<b>362</b>	<b>27</b>	<b>33</b>	<b>302</b>	<b>-</b>	<b>3</b>	<b>152</b>	<b>207</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	3	1	2			2	1		
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	273	243	17	13	213		1	128	114	
c)	Các Trạm Y tế	125	116	9	18	89		23	93		
<b>18</b>	<b>Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh.</b>	<b>266</b>	<b>237</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>197</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>119</b>	<b>118</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	3	1	2			3			
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	200	174	12	11	151		108	66		
c)	Các Trạm Y tế	63	60	7	7	46		8	52		
<b>19</b>	<b>Trung tâm Y tế huyện Bình Tân.</b>	<b>214</b>	<b>185</b>	<b>23</b>	<b>15</b>	<b>147</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>89</b>	<b>96</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	2	1	1			2			
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	133	121	13	5	103		70	51		
c)	Các Trạm Y tế	78	62	9	9	44		17	45		

#### 4. Tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

##### 4.1. Tài chính:

Cơ chế tài chính thực hiện theo quy định chung về quản lý, phân cấp, phân bổ tài chính gắn với chức năng, nhiệm vụ và theo quy định của pháp luật về tài chính.

Kinh phí thực hiện theo Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025; Quyết định số 569/QĐ-STC ngày 17/12/2024 của Sở Tài chính Vĩnh Long về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 4127/QĐ-SYT ngày 30/12/2024 của Sở Y tế Vĩnh Long về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025.

#### **4.2. Tài sản**

Danh sách tài sản và công cụ dụng cụ của Sở Y tế đã được kiểm kê lại thực tế vào ngày 01/01/2024.

#### **4.3. Đất đai**

- Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BX652684, Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long theo Quyết định thành lập số 59/QĐ.UBT. Địa chỉ số 47, đường Lê Văn Tám phường 1, thành phố Vĩnh Long.

- Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI826361, Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long theo Quyết định thành lập số 45/QĐ-UBT. Địa chỉ số 8, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long.

## **II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm, thuận lợi**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai quyết liệt, đồng bộ từ sớm, từ xa. Tỉnh ủy đã kịp thời định hướng rõ chủ trương; Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn, văn bản quy định chi tiết ngay từ đầu, làm cơ sở thuận lợi để ngành y tế tổ chức thực hiện.

- Việc quán triệt, tuyên truyền được tiến hành sâu rộng, nhất quán, giúp nâng cao nhận thức và thống nhất ý chí trong hệ thống chính trị; nhờ vậy đã tạo được sự đồng thuận, ủng hộ rất cao của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân đối với chủ trương sắp xếp ĐVHC các cấp và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Bên cạnh đó, ngành y tế đã chủ động nắm bắt từ sớm, từ xa, bám sát tiến độ phê duyệt, thông qua chủ trương của cấp có thẩm quyền nên không bị động, bất ngờ trong quá trình triển khai thực hiện và chuẩn bị kỹ lưỡng về phương án sắp xếp ĐVHC. Quá trình xây dựng lập hồ sơ Đề án được Sở Y tế các tỉnh phối hợp chặt chẽ, thực hiện đúng quy trình, thủ tục, bảo đảm tiến độ theo quy định.

- Các địa phương nỗ lực phấn đấu, với tinh thần như một phong trào thi đua sôi nổi, quyết tâm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng này.

### **2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, quá trình triển khai cũng xuất hiện một số khó khăn như sau:

- Thời gian chuẩn bị và thực hiện quá gấp (trong khoảng nửa cuối tháng 4/2025) nên khối lượng công việc đặt ra đối với các tỉnh là rất lớn, đòi hỏi sự nỗ lực,

tập trung cao độ của cả hệ thống chính trị; tạo ra áp lực rất lớn đối với ngành và các địa phương trên địa bàn.

- Trong công tác xây dựng phương án sáp nhập, tổ chức lại các bộ phận, đơn vị sự nghiệp công lập chưa có mô hình chung nên chưa có sự thống nhất cao trong việc đề xuất phương án tổ chức, sắp xếp lại. Đặc biệt là đối với hệ dự phòng, cơ cấu tổ chức của các tỉnh không đồng nhất, có tỉnh còn Trung tâm y tế thực hiện chức năng y tế dự phòng và tên gọi nhiều đơn vị sự nghiệp có cùng chức năng khác nhau....

-Tuy nhiên, Cấp ủy, Ban Giám đốc các Sở Y tế các tỉnh đã kịp thời tiếp thu ý kiến công chức, viên chức trong ngành để chỉnh sửa phương án sắp xếp, đổi tên đơn vị mới và tăng cường vận động tuyên truyền nên đã đạt kết quả cao, đồng thuận của công chức, viên chức trong ngành.

- Ngoài ra, việc triển khai sắp xếp đồng thời cấp tỉnh, cấp xã và bỏ cấp huyện được thực hiện cùng thời điểm đặt ra thách thức trong khâu sắp xếp tổ chức bộ máy và bố trí nhân sự sau sắp xếp. Việc sắp xếp, bố trí và giải quyết đội ngũ công chức, viên chức dôi dư, sắp xếp trụ sở làm việc, cơ sở vật chất và ổn định hoạt động tại các ĐVHC mới là vấn đề rất quan trọng, tác động đến tâm tư, quyền lợi của nhiều công chức, viên chức.

## **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP**

##### **1. Sự cần thiết**

- Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, theo đó Sở Y tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; trẻ em; quản lý sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em; bảo trợ xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

- Thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, theo đó các đơn vị hành chính tỉnh mới sáp nhập, hợp nhất "*Hợp nhất tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh; lấy tên là tỉnh Vĩnh Long, trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Vĩnh Long hiện nay*" và Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về Thực hiện rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Từ các căn cứ nêu trên, để tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kết luận số 126-KL/TW và Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhằm đáp ứng yêu cầu ngành, lĩnh vực y tế, thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước thì việc xây dựng "*Đề án thành lập Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long, Sở Y tế tỉnh Bến Tre và Sở Y tế tỉnh Trà Vinh*" là cần thiết và phù hợp theo quy định, định hướng của cấp thẩm quyền và thực tiễn của địa phương.

## 2. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

- Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 và Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025; Kết luận số 157-KL/TW, ngày 25/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính;

- Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành TW Đảng khóa XIII số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương;

- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội Khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Công văn số 68/CV-BCĐ, ngày 28/5/2025 của Ban chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp của Chính phủ về việc định hướng sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp ở địa phương khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Công văn số 09/CV-BCĐ, ngày 30/5/2025 của Ban chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp của Chính phủ về việc định hướng tạm thời bố trí biên chế khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 02 cấp; về tổ chức bộ máy, CBCCVN khi thực hiện sắp xếp;

- Công văn số 4019-CV/TU ngày 18/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long về việc thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

- Quyết định số 1163-QĐ/TU ngày 19/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long thành lập Tổ công tác chỉ đạo thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cấp tỉnh và xây dựng văn kiện Đại hội Đảng bộ các cấp tại 03 tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh;

- Công văn số 3040-CV/TU ngày 22/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long về việc tham mưu Đề án hợp nhất của các cơ quan, đơn vị, sở ngành.

- Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/10/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

- Thông tư số 20/2025/TT-BYT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Kết luận số 3370-TB/TU ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tỉnh ủy Vĩnh Long về việc kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị ngày 19/6/2025.

- Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về Thực hiện rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; cấp xã trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 2147/BYT-TCCB ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn định hướng sắp xếp, tổ chức lại cơ sở y tế tại đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

### **3. Nguyên tắc thành lập:**

#### **3.1. Đối với Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long sau khi sắp xếp**

Thành lập Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long, Sở Y tế tỉnh Bến Tre và Sở Y tế tỉnh Trà Vinh hiện tại.

Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long mới là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long sau sắp xếp. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2025/TT-BYT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

#### **3.2. Đối với cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long**

Cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long: Xây dựng Đề án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định cơ cấu tổ chức của Sở Y tế phù hợp với yêu cầu quản lý đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Y tế và bảo đảm

các tiêu chí quy định tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

### **3.3. Sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế**

Trên cơ sở rà soát, đánh giá chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế hiện có trước khi sắp xếp, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế, theo nguyên tắc:

- Bảo đảm duy trì, không gián đoạn việc cung cấp các dịch vụ cơ bản, thiết yếu về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành y tế tại địa phương.

- Cơ bản duy trì, giữ nguyên các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (đa khoa, chuyên khoa, khu vực) và các cơ sở bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội hiện có, là các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố sau sắp xếp để duy trì việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, hoặc chuyên sâu và các dịch vụ trợ giúp xã hội, dịch vụ công tác xã hội đáp ứng nhu cầu của người dân và các đối tượng bảo trợ xã hội tại địa phương.

**3.4. Đối với các đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc Sở Y tế** (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Giám định y khoa, Trung tâm Pháp y, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc mỹ phẩm, thực phẩm...); Giám đốc Sở Y tế các tỉnh phối hợp xây dựng Đề án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc sáp nhập các đơn vị sự nghiệp có cùng tên, cùng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để thành lập đơn vị sự nghiệp công lập mới trực thuộc Sở Y tế sau sắp xếp.

Tùy theo quy mô dân số, đặc điểm địa lý, phạm vi hoạt động, mỗi đơn vị sự nghiệp mới này có thể có nhiều cơ sở hoạt động, nhưng phải xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi hoạt động, cơ chế phối hợp hoạt động của các cơ sở này, bảo đảm không có sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động giữa các cơ sở của đơn vị sự nghiệp đó.

### **3.5. Sắp xếp, tổ chức lại các Trung tâm Y tế cấp huyện, thị xã, thành phố:**

Các Trung tâm Y tế cấp huyện, thị xã, thành phố hiện có sắp xếp lại thành Trung tâm Y tế khu vực, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế sau sắp xếp.

### **3.6. Sắp xếp các trạm y tế xã, phường, thị trấn**

Duy trì các Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế hiện nay và sắp xếp các Trạm Y tế tại xã cũ thành 01 Trạm Y tế tại cấp xã mới và có các điểm Y tế tại các xã cũ để phục vụ người dân.

Trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế, Giám đốc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập hiện có (đặc biệt là các bệnh viện chuyên khoa, các Trung tâm giám định y khoa, Trung tâm pháp y, cơ sở Bảo trợ xã hội, các Trung tâm y tế cấp huyện...) và thực hiện việc sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả, không còn chức năng, nhiệm vụ hoặc chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp khác.

## **II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP**

### **A. Mục tiêu, phạm vi, đối tượng quản lý**

## 1. Mục tiêu

Hợp nhất Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long, Sở Y tế tỉnh Bến Tre và Sở Y tế tỉnh Trà Vinh thành Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long bảo đảm cơ cấu bộ máy tinh gọn, phù hợp, khoa học, chặt chẽ theo đúng chủ trương xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

Nâng cao được hiệu lực, hiệu quả hoạt động, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới; cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức sau hợp nhất.

## 2. Phạm vi quản lý

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quản lý nhà nước về y tế, gồm các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y, dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; thiết bị y tế, hóa chất, vật tư y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số, bảo trợ xã hội, trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội và các dịch vụ công,... thuộc ngành y tế theo quy định của pháp luật.

## 3. Đối tượng quản lý

Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Y tế

Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp y tế thuộc Sở Y tế.

Các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động y tế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

## B. Tên gọi, Loại hình, Trụ sở làm việc

### 1. Tên gọi: Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Vinh Long Provincial Department of Health.

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

**2. Loại hình:** Cơ quan hành chính nhà nước; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

### 3. Địa chỉ trụ sở chính:

- Trụ sở: Số 08, đường 30/4, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Số điện thoại: 02703 823 107.

- Website: <https://soyte.vinhlong.gov.vn>; Email: [syte@vinhlong.gov.vn](mailto:syte@vinhlong.gov.vn)

## C. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

### 1. Vị trí pháp lý

1. Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

2. Sở Y tế chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế.

## **2. Chức năng**

Sở Y tế có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực y tế bao gồm: y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); quản lý, sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em; bảo trợ xã hội; y, dược cổ truyền; dược, mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

## **3. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế;

c) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế;

d) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Dự thảo quyết định phân cấp, ủy quyền các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Y tế theo quy định của pháp luật.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và các văn bản khác về lĩnh vực y tế sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Y tế.

4. Tổ chức thực hiện việc thẩm định, cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế theo phân công, phân cấp và theo quy định của pháp luật. Thực hiện quản lý, giám sát chất lượng của các dịch vụ, sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Y tế theo quy định của pháp luật.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do Sở trực tiếp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; phối hợp với Công an tỉnh thực hiện tự kiểm tra hoặc kiểm tra văn bản theo thẩm quyền đối với văn bản quy phạm pháp luật có nội dung bí mật nhà nước thuộc phạm vi, lĩnh vực của ngành quản lý.

6. Về y tế dự phòng:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật; quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phòng, chống các bệnh truyền nhiễm và HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; xác định tình trạng nghiện ma túy, dự phòng và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện, các chất ma túy khác; sức khoẻ môi trường, sức khoẻ trường học, vệ sinh và sức khoẻ lao động; dinh dưỡng cộng đồng; kiểm dịch y tế biên giới; quản lý chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế; quản lý hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện giám sát bệnh truyền nhiễm và HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, các vấn đề y tế công cộng khác; phát hiện sớm và xử lý các bệnh truyền nhiễm gây dịch; thực hiện thông báo tình hình dịch theo quy định của pháp luật; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố dịch và công bố hết dịch theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện hoạt động tiêm chủng vắc xin và sử dụng sinh phẩm y tế cho các đối tượng theo quy định của pháp luật; tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thực hiện đăng tải thông tin về cơ sở đã công bố đủ điều kiện tiêm chủng trên trang thông tin điện tử của Sở theo quy định của pháp luật;

d) Công bố, công bố lại cơ sở đủ điều kiện, đình chỉ, hủy bỏ hồ sơ công bố cơ sở đủ điều kiện hoạt động điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; đăng tải danh sách các cơ sở đã tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I và cấp II trên trang thông tin điện tử của Sở theo quy định của pháp luật;

đ) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động tại cơ sở lao động; đánh giá, kiểm soát, quản lý các yếu tố có hại sức khỏe tại nơi làm việc; xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động quan trắc môi trường lao động, công bố tổ chức quan trắc môi trường lao động đủ điều kiện hoạt động và tổ chức quan trắc môi trường bị đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật; tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định;

e) Hướng dẫn theo thẩm quyền công tác quản lý vệ sinh lao động, khám sức khỏe người lao động, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, quản lý sức khỏe người lao động tại nơi làm việc; quản lý về công tác huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động, huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật;

g) Đầu mối về công tác phòng chống tác hại của thuốc lá, phòng chống tác hại của rượu, bia theo quy định của pháp luật.

7. Về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định chuyên môn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần theo phân cấp quản lý và theo quy định của pháp luật;

b) Thẩm định, xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt danh mục kỹ thuật được thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền theo phân cấp và theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn về chuyên môn và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ thuộc diện quản lý theo quy định.

#### 8. Về bà mẹ, trẻ em:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, mục tiêu quốc gia, chỉ tiêu về bà mẹ, trẻ em; các quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, dịch vụ bảo vệ trẻ em;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản; tư vấn, dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em; tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; mô hình, dự án về bảo vệ bà mẹ, trẻ em; Tháng hành động vì trẻ em; sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em;

c) Điều phối thực hiện quyền trẻ em phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương; đề xuất việc bố trí, vận động nguồn lực bảo đảm thực hiện quyền của trẻ em và bảo vệ trẻ em tại địa phương; tổ chức, quản lý hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em theo thẩm quyền; hỗ trợ, can thiệp đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

d) Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; đề xuất việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em khi địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng báo cáo hằng năm hoặc đột xuất về việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương.

#### 9. Về dân số:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, mô hình, hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu về dân số; quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ trong lĩnh vực dân số;

b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số trên địa bàn. Tham mưu các giải pháp nhằm điều chỉnh quy mô dân số phù hợp, kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số và thích ứng với già hóa dân số;

c) Chủ trì, phối hợp liên ngành trong công tác dân số; lồng ghép nội dung về dân số - phát triển trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

#### 10. Về bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, kế hoạch về trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, hỗ trợ chi phí mai táng, công tác xã hội, công tác người cao tuổi, công tác người khuyết tật và các trợ giúp xã hội khác;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, kế hoạch về phòng, chống tệ nạn mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán;

c) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội khẩn cấp trong việc khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc các lý do bất khả kháng khác;

d) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về điều kiện, thủ tục thành lập và đăng ký, cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chăm sóc người khuyết tật theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật;

e) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc sàng lọc dấu hiệu bị mua bán đối với người lao động; việc tiếp nhận và thực hiện biện pháp hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán hòa nhập cộng đồng;

g) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống tệ nạn mại dâm, mua bán người vào chương trình phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo vệ trẻ em, chương trình vì sự tiến bộ của phụ nữ và chương trình khác về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

#### 11. Về y, dược cổ truyền:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật về kế thừa, bảo tồn, phát triển, hiện đại hóa y, dược cổ truyền; quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về y, dược cổ truyền; kết hợp y, dược cổ truyền với y, dược hiện đại;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các biện pháp bảo tồn, khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững nguồn dược liệu, phát triển vùng nuôi trồng dược liệu.

#### 12. Về dược và mỹ phẩm:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dược, mỹ phẩm; bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc;

b) Thực hiện quản lý về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc; đình chỉ lưu hành, thu hồi thuốc, nguyên liệu làm thuốc; kiểm tra giám sát việc thu hồi, xử lý thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đấu thầu, mua thuốc theo quy định của pháp luật và triển khai các giải pháp cung ứng thuốc phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện hoạt động dược lâm sàng bảo đảm an toàn, hiệu quả theo quy định của pháp luật.

#### 13. Về an toàn thực phẩm:

a) Chủ trì, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm đặc thù của địa phương thuộc ngành y tế quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý an toàn thực phẩm, điều tra, xử lý các vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; giám sát, kiểm tra điều kiện bảo đảm an toàn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn và các đối tượng theo phân cấp quản lý.

14. Về thiết bị y tế và công trình y tế:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý thiết bị y tế và công trình y tế trên địa bàn tỉnh;

b) Đăng tải công khai các thông tin về thiết bị y tế, về cơ sở sản xuất, kinh doanh thiết bị y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

15. Về bảo hiểm y tế:

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội ở địa phương thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh.

16. Về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực y tế:

a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành chế độ khuyến khích phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế và các chế độ, chính sách phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh;

c) Quản lý cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ giảng viên và các chương trình, tài liệu bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động theo thẩm quyền.

17. Về truyền thông, cung cấp thông tin y tế:

a) Thực hiện truyền thông vận động, huy động sự ủng hộ của cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và sự chủ động tham gia của người dân về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe cho người dân; công tác giáo dục y đức, y nghiệp và phong trào thi đua yêu nước, học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, nhân viên y tế trên địa bàn;

c) Đầu mối thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, cung cấp thông tin, quản lý thông tin về lĩnh vực y tế theo thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xử lý khủng hoảng truyền thông về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý tại địa phương; thực hiện quy chế phát ngôn, cung cấp thông tin về lĩnh vực y tế theo quy định.

18. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em theo quy định; quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập

thể, kinh tế tư nhân, các hội, hiệp hội và tổ chức phi chính phủ tham gia hoạt động trong lĩnh vực y tế ở địa phương theo quy định của pháp luật.

19. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết các thủ tục hành chính theo phân công, phân cấp, ủy quyền của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

20. Kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

21. Triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính trong lĩnh vực y tế theo mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chương trình cải cách hành chính nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh.

22. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

23. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực y tế đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị liên quan.

24. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật.

25. Tổ chức thực hiện việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

26. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thuộc Sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở.

27. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá chất lượng đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

28. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực.

29. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

30. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế.

31. Thường trực cho tổ chức phối hợp liên ngành của tỉnh theo ngành, lĩnh vực phụ trách; thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp, ủy quyền và các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

#### **4. Cơ cấu tổ chức**

1. Sở có Giám đốc và 10 Phó Giám đốc (lộ trình đến năm 2030 bố trí đảm bảo số lượng Phó Giám đốc theo quy định).

2. Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công hoặc ủy quyền; không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình lên Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đứng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết thì Giám đốc Sở phải chủ động làm việc với Giám đốc các sở có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; bộ, cơ quan ngang bộ về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với các Giám đốc sở khác, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở.

Giám đốc Sở bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp Trưởng và cấp Phó các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc theo quy định và phân cấp quản lý cán bộ của địa phương.

3. Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### **5. Các phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, chi cục thuộc Sở**

1. Các phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ: 06 phòng

- a) Văn Phòng;
- b) Phòng Tổ chức cán bộ;
- c) Phòng Nghiệp vụ Y;
- d) Phòng Nghiệp vụ Dược;
- đ) Phòng Kế hoạch – Tài chính;
- e) Phòng Bảo trợ xã hội – Trẻ em.

2. Chi cục Dân số tỉnh Vĩnh Long, gồm có: trụ sở chính và có 02 cơ sở hoạt động:

a) Trụ sở chính đặt tại cơ sở Chi cục Dân số - KHHGD (số 266, đường Phạm Hùng, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long).

b) Chi cục Dân số tỉnh Vĩnh Long Cơ sở Bến Tre.

c) Chi cục Dân số tỉnh Vĩnh Long Cơ sở Trà Vinh.

3. Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh Vĩnh Long, gồm có: trụ sở chính và có 02 cơ sở hoạt động:

a) Trụ sở chính đặt tại cơ sở Chi cục An toàn thực phẩm (số 171, đường 8/3, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long).

b) Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh Vĩnh Long Cơ sở Bến Tre.

c) Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh Vĩnh Long Cơ sở Trà Vinh.

#### **6. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở**

1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long gồm có 01 trụ sở chính và 02 cơ sở hoạt động:

a) Trụ sở chính tại Vĩnh Long.

b) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long Cơ sở Bến Tre .

c) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long Cơ sở Trà Vinh.

2. Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế Vĩnh Long gồm có 01 trụ sở chính và 02 cơ sở hoạt động:

a) Trụ sở chính tại Vĩnh Long.

b) Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế Vĩnh Long Cơ sở Bến Tre.

c) Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế Vĩnh Long Cơ sở Trà Vinh.

3. Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Long, gồm có 01 trụ sở chính và 02 cơ sở hoạt động:

a) Trụ sở chính tại Vĩnh Long

b) Trung tâm Pháp y Vĩnh Long Cơ sở Bến Tre.

c) Trung tâm Pháp y Vĩnh Long Cơ sở Trà Vinh

4. Trung tâm Giám định y khoa Vĩnh Long gồm có 01 trụ sở chính và 02 cơ sở hoạt động:

a) Trụ sở chính tại Vĩnh Long

b) Trung tâm Giám định y khoa Vĩnh Long Cơ sở Bến Tre.

c) Trung tâm Giám định y khoa Vĩnh Long Cơ sở Trà Vinh

5. Trung tâm Công tác xã hội Vĩnh Long;

6. Trung tâm Bảo trợ xã hội Trà Vinh;

7. Trung tâm Bảo trợ và Cung cấp dịch vụ công tác xã hội Bến Tre;

8. Trung tâm Bảo trợ Người tâm thần Bến Tre;
9. Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long;
10. Bệnh viện Đa khoa khu vực Hòa Phú;
11. Bệnh viện Đa khoa khu vực kết hợp Quân Dân Y;
12. Bệnh viện Chuyên khoa Mắt Vĩnh Long;
13. Bệnh viện Phổi Vĩnh Long;
14. Bệnh viện Tâm Thần Vĩnh Long;
15. Bệnh viện Y dược cổ truyền Vĩnh Long;
16. Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh;
17. Bệnh viện Phổi Trà Vinh;
18. Bệnh viện Sản - Nhi Trà Vinh;
19. Bệnh viện Y Dược Cổ truyền Trà Vinh;
20. Bệnh viện Phục hồi chức năng Trà Vinh;
21. Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần;
22. Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang;
23. Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu;
24. Bệnh viện Đa khoa khu vực Cù Lao Minh;
25. Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri;
26. Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An;
27. Bệnh viện Phổi Bến Tre;
28. Bệnh viện Tâm thần Bến Tre;
29. Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Long;
30. Trung tâm Y tế khu vực Long Hồ;
31. Trung tâm Y tế khu vực Mang Thít;
32. Trung tâm Y tế khu vực Nguyễn Văn Thù;
33. Trung tâm Y tế khu vực Tam Bình;
34. Trung tâm Y tế khu vực Trà Ôn;
35. Trung tâm Y tế khu vực Bình Tân;
36. Trung tâm Y tế khu vực Bình Minh;
37. Trung tâm Y tế khu vực Trà Vinh;
38. Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành A;
39. Trung tâm Y tế khu vực Cầu Ngang;
40. Trung tâm Y tế khu vực Tiểu Cần;
41. Trung tâm Y tế khu vực Duyên Hải;
42. Trung tâm Y tế khu vực Càng Long;
43. Trung tâm Y tế khu vực Cầu Kè;
44. Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú;
45. Trung tâm Y tế khu vực Long Thành;
46. Trung tâm Y tế khu vực Bến Tre;
47. Trung tâm Y tế khu vực Mỏ Cày Nam;
48. Trung tâm Y tế khu vực Mỏ Cày Bắc;
49. Trung tâm Y tế khu vực Ba Tri;
50. Trung tâm Y tế khu vực Chợ Lách;
51. Trung tâm Y tế khu vực Thạnh Phú;
52. Trung tâm Y tế khu vực Giồng Trôm;
53. Trung tâm Y tế khu vực Bình Đại;
54. Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành.

## **7. Trạm y tế cấp xã**



TT	Tên đơn vị	Số lượng công chức, viên chức				Cơ cấu ngạch/ Chức danh nghề nghiệp				
		Tổng cộng	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức không giữ chức vụ	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
<b>1.1</b>	<b>Trụ sở chính tại tỉnh Vĩnh Long</b>	<b>107</b>	<b>11</b>	<b>14</b>	<b>82</b>	-	-	<b>78</b>	<b>4</b>	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	104	10	12	82			78	4	
<b>1.2</b>	<b>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật cơ sở Bến Tre</b>	<b>164</b>	<b>24</b>	<b>19</b>	<b>130</b>	-	<b>17</b>	<b>75</b>	<b>24</b>	<b>14</b>
a)	Trưởng cơ sở	3	12							
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	161	12	19	130		17	75	24	14
<b>1.3</b>	<b>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật cơ sở Trà Vinh</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>19</b>	<b>110</b>	-	<b>4</b>	<b>94</b>	<b>12</b>	-
a)	Trưởng cơ sở	4	1	3						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	136	10	16	110		4	94	12	
<b>2</b>	<b>Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế Vĩnh Long</b>									
<b>2.1</b>	<b>Trụ sở chính tại tỉnh Vĩnh Long</b>	<b>29</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>19</b>	-	-	<b>17</b>	<b>2</b>	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	26	3	4	19	-	-	17	2	
<b>2.2</b>	<b>Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế cơ sở Bến Tre</b>	<b>34</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>26</b>	-	<b>4</b>	<b>18</b>	<b>4</b>	-
a)	Trưởng cơ sở	2	1	1						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	32	3	3	26		4	18	4	
<b>2.3</b>	<b>Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế cơ sở Trà Vinh</b>	<b>28</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>20</b>	-	-	<b>20</b>	-	-
a)	Trưởng cơ sở	2	1	1						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	26	3	3	20			20		
<b>3</b>	<b>Trung tâm Pháp y Vĩnh Long</b>									
<b>3.1</b>	<b>Trụ sở chính tại tỉnh Vĩnh Long</b>	<b>15</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>10</b>	-	-	<b>7</b>	<b>3</b>	-
a)	Lãnh đạo đơn vị		1	1						

TT	Tên đơn vị	Số lượng công chức, viên chức				Cơ cấu ngạch/ Chức danh nghề nghiệp				
		Tổng cộng	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức không giữ chức vụ	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
		2								
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp	13	2	1	10			7	3	
3.2	<b>Trung tâm Pháp y cơ sở Bến Tre</b>	16	1	1	14	0	0	7	8	1
a)	Trưởng cơ sở	2	1	1						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp	14			14			7	8	1
3.3	<b>Trung tâm Pháp y cơ sở Trà Vinh</b>	12	1	1	10	-	-	8	2	-
a)	Trưởng cơ sở	2	1	1						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp	10			10			8	2	
4	<b>Trung tâm Giám định y khoa</b>									
4.1	<b>Trụ sở chính tại tỉnh Vĩnh Long</b>	15	1	2	12	1	1	3	5	5
a)	Lãnh đạo đơn vị									
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp									
4.2	<b>Trung tâm Giám định Y khoa cơ sở Bến Tre</b>	15	1	2	12	0	1	4	5	5
a)	Trưởng cơ sở									
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp									
4.3	<b>Trung tâm Giám định y khoa cơ sở Trà Vinh</b>	8	1	2	5			1	1	6
a)	Trưởng cơ sở	15	1	2	11	1	1	3	5	5
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp									
5	<b>Trung tâm Công tác xã hội Vĩnh Long</b>	72	7	9	56	-	-	18	38	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp	69	6	7	56			18	38	
6	<b>Trung tâm Bảo trợ xã hội Trà Vinh</b>	57	2	5	51	-	3	20	15	13
a)	Lãnh đạo đơn vị	4	1	3						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp	53	1	2	51		3	20	15	13



TT	Tên đơn vị	Số lượng công chức, viên chức				Cơ cấu ngạch/ Chức danh nghề nghiệp				
		Tổng cộng	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức không giữ chức vụ	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
		3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	55	6	11	38			31	7	
3	<b>Bệnh viện Đa khoa khu vực kết hợp Quân dân Y.</b>	28	4	4	20	-	-	14	6	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	1		1						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	27	4	3	20			14	6	
4	<b>Bệnh viện chuyên khoa Mắt Vĩnh Long</b>	50	6	10	34	-	-	34	-	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	47	5	8	34			34		
5	<b>Bệnh viện Phổi Vĩnh Long.</b>	90	8	14	68	-	-	52	16	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	87	7	12	68			52	16	
6	<b>Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Long.</b>	75	6	11	58	-	6	39	13	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	72	5	9	58		6	39	13	
7	<b>Bệnh viện Y dược cổ truyền Vĩnh Long.</b>	109	5	12	92	-	6	68	18	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	106	4	10	92		6	68	18	
8	<b>Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh</b>	1.030	24	22	984	10	163	360	347	104
a)	Lãnh đạo đơn vị	5	1	4						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	1025	23	18	984	10	163	360	347	104
9	<b>Bệnh viện Phổi Trà Vinh</b>	106	11	19	76	-	3	56	17	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	4	1	3						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	102	10	16	76		3	56	17	
10	<b>Bệnh viện Sản Nhi Trà</b>					-				

TT	Tên đơn vị	Số lượng công chức, viên chức				Cơ cấu ngạch/ Chức danh nghề nghiệp				
		Tổng cộng	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức không giữ chức vụ	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
	<b>Vinh</b>	<b>241</b>	<b>11</b>	<b>20</b>	<b>210</b>		<b>14</b>	<b>98</b>	<b>125</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	4	1	3						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	237	10	17	210		14	98	125	
<b>11</b>	<b>Bệnh viện Y Dược cổ truyền Trà Vinh</b>	<b>85</b>	<b>8</b>	<b>13</b>	<b>64</b>	<b>-</b>	<b>5</b>	<b>45</b>	<b>32</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	82	7	11	64		5	45	32	
<b>12</b>	<b>Bệnh viện Phục hồi chức năng Trà Vinh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị									
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ									
<b>13</b>	<b>Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần</b>	<b>166</b>	<b>16</b>	<b>6</b>	<b>144</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>86</b>	<b>58</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	2		2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	164	16	4	144			86	58	
<b>14</b>	<b>Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cầu Ngang</b>	<b>207</b>	<b>9</b>	<b>14</b>	<b>184</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>107</b>	<b>77</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	204	8	12	184			107	77	
<b>15</b>	<b>Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu</b>	<b>1.033</b>	<b>31</b>	<b>30</b>	<b>972</b>	<b>-</b>	<b>15</b>	<b>504</b>	<b>444</b>	<b>9</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	4	1	3						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	1014	27	24	963		13	501	440	9
c)	Trung tâm Giám định Y khoa	15	3	3	9	0	2	3	4	0
c.1 )	Lãnh đạo trung tâm	2	1	1						
c.2 )	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	13	2	2	9		2	3	4	
<b>16</b>	<b>Bệnh viện Đa khoa khu vực Cù Lao Minh</b>	<b>416</b>	<b>24</b>	<b>45</b>	<b>347</b>	<b>-</b>	<b>10</b>	<b>187</b>	<b>148</b>	<b>2</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	4	1	3						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	412	23	42	347		10	187	148	2
<b>17</b>	<b>Bệnh viện Đa khoa khu</b>					<b>-</b>	<b>198</b>			

TT	Tên đơn vị	Số lượng công chức, viên chức				Cơ cấu ngạch/ Chức danh nghề nghiệp				
		Tổng cộng	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức không giữ chức vụ	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
	<b>vực Ba Tri</b>	<b>336</b>	<b>21</b>	<b>35</b>	<b>280</b>		<b>26</b>		<b>41</b>	<b>15</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp	333	20	33	280		26	198	41	15
<b>18</b>	<b>Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An</b>	<b>245</b>	<b>16</b>	<b>26</b>	<b>203</b>	<b>-</b>	<b>29</b>	<b>120</b>	<b>36</b>	<b>18</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp	242	15	24	203		29	120	36	18
<b>19</b>	<b>Bệnh viện Phổi Bến Tre</b>	<b>116</b>	<b>12</b>	<b>11</b>	<b>93</b>	<b>-</b>	<b>12</b>	<b>52</b>	<b>29</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp	113	11	9	93		12	52	29	
<b>20</b>	<b>Bệnh viện Tâm thần Bến Tre</b>	<b>171</b>	<b>16</b>	<b>25</b>	<b>130</b>	<b>-</b>	<b>20</b>	<b>98</b>	<b>12</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp	168	15	23	130		20	98	12	
<b>III</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực</b>									
<b>1</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Long.</b>	<b>284</b>	<b>17</b>	<b>32</b>	<b>235</b>	<b>-</b>	<b>5</b>	<b>195</b>	<b>35</b>	<b>82</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp	281	16	30	235	-	5	195	35	82
<b>2</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Long Hồ.</b>	<b>126</b>	<b>14</b>	<b>21</b>	<b>93</b>		<b>8</b>	<b>114</b>	<b>4</b>	<b>2</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp	123	13	19	91			87	4	
<b>3</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Mang Thít.</b>	<b>151</b>	<b>16</b>	<b>25</b>	<b>110</b>	<b>-</b>	<b>2</b>	<b>97</b>	<b>11</b>	<b>40</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp	148	15	23	110	-	2	97	11	40
<b>4</b>	<b>Trung tâm Y tế Nguyễn Văn Thủ</b>	<b>148</b>	<b>16</b>	<b>24</b>	<b>108</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>90</b>	<b>18</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn,	145	15	22	108			90	18	

TT	Tên đơn vị	Số lượng công chức, viên chức				Cơ cấu ngạch/ Chức danh nghề nghiệp				
		Tổng cộng	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức không giữ chức vụ	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
	ng nghiệp vụ									
5	<b>Trung tâm Y tế khu vực Trà Ôn.</b>	197	16	25	156	-	-	121	35	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	194	15	23	156			121	35	
6	<b>Trung tâm Y tế khu vực Tam Bình.</b>	276	20	33	223	-	-	194	29	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	273	19	31	223			194	29	
7	<b>Trung tâm Y tế khu vực Bình Minh.</b>	203	17	27	159	-	-	110	49	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	200	16	25	159			110	49	
8	<b>Trung tâm Y tế khu vực Bình Tân.</b>	136	16	22	98	-	-	74	24	20
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	133	15	20	98	-	-	74	24	20
9	<b>Trung tâm Y tế khu vực Trà Vinh</b>	299	32	24	243	-	-	132	167	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	5	1	4				5		
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	294	31	20	243			127	167	
10	<b>Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành A</b>	192	31	25	136	-	-	113	79	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	2	1	1				2		
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	190	30	24	136			111	79	
11	<b>Trung tâm Y tế khu vực Cầu Ngang</b>	332	12	35	285	-	-	145	182	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	5	1	4				5		
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ	327	11	31	285			150	182	
12	<b>Trung tâm Y tế khu vực</b>					-	-	126		

TT	Tên đơn vị	Số lượng công chức, viên chức				Cơ cấu ngạch/ Chức danh nghề nghiệp				
		Tổng cộng	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức không giữ chức vụ	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
	<b>Tiểu Cần</b>	<b>271</b>	<b>40</b>	<b>23</b>	<b>208</b>		-		<b>145</b>	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	4		4				4		
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	267	40	19	208			122	145	
<b>13</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Duyên Hải</b>	<b>174</b>	<b>20</b>	<b>21</b>	<b>133</b>	-	-	<b>64</b>	<b>59</b>	<b>10</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	171	19	19	133			64	59	10
<b>14</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Càng Long</b>	<b>187</b>	<b>17</b>	<b>19</b>	<b>151</b>	-	4	<b>109</b>	<b>38</b>	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	4	1	3						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	183	16	16	151		4	109	38	
<b>15</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Cầu Kè</b>	<b>237</b>	<b>27</b>	<b>29</b>	<b>171</b>	-	3	<b>86</b>	<b>82</b>	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	4	1	3						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	233	26	26	171		3	86	82	
<b>16</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú</b>	<b>313</b>	<b>38</b>	<b>40</b>	<b>235</b>	-	-	<b>139</b>	<b>96</b>	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	4	1	3						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	309	37	37	235			139	96	
<b>17</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Long Thành</b>	<b>114</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>94</b>			<b>44</b>	<b>70</b>	
a)	Lãnh đạo đơn vị	2	1	1				2		
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	112	9	9	94			42	70	
<b>18</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Bến Tre</b>	<b>181</b>	<b>23</b>	<b>22</b>	<b>136</b>	-	<b>18</b>	<b>62</b>	<b>56</b>	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	178	22	20	136		18	62	56	
<b>19</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Mỏ Cày Nam</b>	<b>177</b>	<b>25</b>	<b>16</b>	<b>136</b>	-	<b>19</b>	<b>39</b>	<b>78</b>	-
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	174	24	14	136		19	39	78	
<b>20</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực</b>					-				

TT	Tên đơn vị	Số lượng công chức, viên chức				Cơ cấu ngạch/ Chức danh nghề nghiệp				
		Tổng cộng	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức không giữ chức vụ	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
	<b>Mỏ Cày Bắc</b>	<b>190</b>	<b>27</b>	<b>25</b>	<b>138</b>		<b>13</b>	<b>69</b>	<b>56</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	187	26	23	138		13	69	56	
<b>21</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Ba Tri</b>	<b>228</b>	<b>32</b>	<b>34</b>	<b>162</b>	<b>-</b>	<b>15</b>	<b>31</b>	<b>112</b>	<b>4</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	225	31	32	162		15	31	112	4
<b>22</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Chợ Lách</b>	<b>265</b>	<b>28</b>	<b>35</b>	<b>202</b>	<b>-</b>	<b>15</b>	<b>101</b>	<b>74</b>	<b>12</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	262	27	33	202		15	101	74	12
<b>23</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Thạnh Phú</b>	<b>330</b>	<b>44</b>	<b>37</b>	<b>249</b>	<b>-</b>	<b>21</b>	<b>119</b>	<b>109</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	327	43	35	249		21	119	109	
<b>24</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Giồng Trôm</b>	<b>388</b>	<b>40</b>	<b>56</b>	<b>292</b>	<b>-</b>	<b>44</b>	<b>124</b>	<b>105</b>	<b>19</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	385	39	54	292		44	124	105	19
<b>25</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Bình Đại</b>	<b>336</b>	<b>46</b>	<b>39</b>	<b>251</b>	<b>-</b>	<b>25</b>	<b>103</b>	<b>139</b>	<b>17</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	333	45	37	251		25	103	139	17
<b>26</b>	<b>Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành</b>	<b>471</b>	<b>44</b>	<b>48</b>	<b>379</b>	<b>-</b>	<b>35</b>	<b>196</b>	<b>148</b>	<b>-</b>
a)	Lãnh đạo đơn vị	3	1	2						
b)	Các tổ chức chuyên môn, nghề nghiệp vụ	468	43	46	379		35	196	148	

#### **Đ. Về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai**

- Trụ sở: Theo phương án sắp xếp chung của tỉnh.

- Về tài chính, tài sản, tài liệu, hồ sơ (Chi tiết theo biểu đính kèm)

#### **Phần thứ ba**

## **PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, ĐẤT ĐAI VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN**

### **I. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY**

#### **1. Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 10 Phó Giám đốc**

Trước mắt, giữ nguyên số lượng Phó giám đốc của các Sở trước khi hợp nhất, và giảm dần theo lộ trình đảm bảo thực hiện theo quy định của Chính phủ.

#### **2. Các Tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn thuộc Sở**

##### **2.1. Đối với Văn Phòng Sở**

Hợp nhất Văn phòng Sở Y tế tỉnh Bến Tre với bộ phận hành chính thuộc Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính Sở Y tế tỉnh Trà Vinh và với bộ phận hành chính thuộc Phòng Tổ chức - Hành chính Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long.

Lý do: Định hướng nhiệm vụ của Văn phòng: Thực hiện công tác quản trị hành chính, văn thư, lưu trữ; đầu mối tham mưu, thực hiện công tác chuyển đổi số; công nghệ thông tin của cơ quan và toàn ngành, cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính. Mặt khác, văn phòng phải tiếp nhận nhiệm vụ về kiểm tra, tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, công tác pháp chế... sau khi chuyển Thanh tra Sở Y tế về Thanh tra tỉnh.

##### **2.2. Đối với Phòng Tổ chức cán bộ**

Hợp nhất bộ phận tổ chức cán bộ của Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính thuộc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh với bộ phận tổ chức cán bộ của phòng Tổ chức -Hành chính thuộc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long và bộ phận Tổ chức cán bộ của Văn phòng thuộc Sở Y tế tỉnh Bến Tre thành Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long.

Lý do: Định hướng chuyên môn của phòng Tổ chức: Tham mưu, tổ chức thực hiện tốt về công tác tổ chức bộ máy, chế độ chính sách, quản lý, tuyển dụng và sử dụng công chức, viên chức; đào tạo, quy hoạch, đánh giá cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý hồ sơ cán bộ, thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng,...

##### **2.3. Phòng Nghiệp vụ Y**

Hợp nhất phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế tỉnh Trà Vinh với bộ phận Nghiệp vụ Y của Phòng Nghiệp vụ Sở Y tế tỉnh Bến Tre và bộ phận Nghiệp vụ Y của Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long thành Phòng Nghiệp vụ Y thuộc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long.

Lý do: Tham mưu, tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về: công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh; công tác cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh; phát triển danh mục kỹ thuật; công tác bảo hiểm y tế; các chương trình y tế; quản lý nhà nước về hành nghề y tư nhân; giám định y khoa; giám định pháp y, pháp y tâm thần; quản lý khám sức khỏe; quản lý môi trường, chất thải y tế; phòng chống bệnh nghề nghiệp, phòng chống nghiện chất và ma túy; quảng cáo hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tư nhân,...

##### **2.4. Phòng Nghiệp vụ Dược**

Hợp nhất phòng Nghiệp vụ Dược Sở Y tế tỉnh Trà Vinh với bộ phận Nghiệp vụ Dược của Phòng Nghiệp vụ Sở Y tế tỉnh Bến Tre và bộ phận Nghiệp vụ Dược của Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long thành Phòng Nghiệp vụ Dược thuộc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long.

Lý do:

a) Công tác quản lý nhà nước về Dược, Mỹ phẩm, Sở Y tế chịu sự quản lý trực tiếp của Cục Quản lý dược, Cục quản lý Y, được cổ truyền theo cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế nêu tại Nghị định số 42/NĐ-CP, ngày 27/2/2025 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.

b) Việc phân định nhiệm vụ giữa 02 phòng chuyên môn y và dược sẽ giúp công tác quản lý dược rõ ràng, tránh chồng chéo, giảm áp lực công việc của phòng từ đó giải quyết công việc sẽ nhanh chóng, hiệu quả hơn, đáp ứng được yêu cầu công việc trong tình hình sáp nhập 03 tỉnh với quy mô diện tích và dân số sau sáp nhập là rất lớn. Việc phân định trách nhiệm rõ ràng còn làm tăng tính minh bạch góp phần nâng cao tính chủ động và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

c) Công tác đấu thầu thuốc tập trung cho các cơ sở y tế công lập: Hiện tại Công tác đấu thầu và hướng dẫn đấu thầu thuốc cho các cơ sở y tế do bộ phận Dược phụ trách chính và đóng vai trò rất quan trọng: Đặc thù công tác đấu thầu thuốc là hoạt động phức tạp, liên quan đến cả chuyên môn y tế và pháp luật về đấu thầu; nếu tách Phòng Nghiệp vụ Dược độc lập khi tổ chức thực hiện đấu thầu sẽ mời các Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng nghiệp vụ Y tham gia vào các khâu có liên quan chuyên môn của từng lĩnh vực, khi đó đảm bảo quá trình đấu thầu minh bạch, chính xác, đúng pháp luật và phù hợp với nhu cầu thực tế, hạn chế tối đa rủi ro sai phạm về sau. Ngoài công tác đấu thầu tập trung cấp địa phương, còn phải quản lý, theo dõi Công đấu thầu tập trung thuốc Quốc gia, đấu thầu thuốc ARV, thuốc điều trị lao,...

d) Sau khi sáp nhập các cơ sở y tế tăng lên, số lượng thuốc, hóa chất và vật tư y tế sử dụng ngày càng nhiều, yêu cầu về dược lâm sàng, giám sát phản ứng có hại của thuốc (ADR), thu hồi thuốc, quản lý thuốc gây nghiện-hướng tâm thần, quản lý

## **2.5. Phòng Kế hoạch – Tài chính**

Thành lập phòng Kế hoạch – Tài chính thuộc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long sau hợp nhất Phòng Kế hoạch Tài chính thuộc Sở Y tế Bến Tre, phòng Kế hoạch Tài chính thuộc Sở Y tế Trà Vinh sáp nhập với phòng Kế hoạch Tài chính Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long thành phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long sau sáp nhập.

Lý do: Bộ Y tế có Vụ Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế có nhiều đơn vị sự nghiệp trực thuộc vì vậy cần thành lập phòng Kế hoạch - Tài chính để tham mưu Giám đốc Sở Y tế thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành y tế; tài chính, kế toán, phí, giá và phương thức chi trả dịch vụ y tế; đầu tư phát triển ngành y tế, hợp tác công - tư, chương trình mục tiêu, viện trợ; quản lý, sử dụng tài sản công và thống kê y tế theo quy định của pháp luật.

## **2.6. Phòng Bảo trợ xã hội – Trẻ em**

Hợp nhất Bộ phận Chính sách xã hội thuộc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long với phòng Bảo trợ xã hội Sở Y tế tỉnh Trà Vinh và Phòng Quản lý công tác xã hội, Sở Y tế tỉnh Bến Tre thành Phòng Bảo trợ xã hội - Trẻ em thuộc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long.

## **3. Các chi cục thuộc sở**

### **3.1. Thành lập Chi cục Dân số tỉnh Vĩnh Long**

- **Trụ sở chính tại tỉnh Vĩnh Long:** được sắp xếp, tổ chức lại từ bộ phận Dân số của Phòng Dân số - Chính sách xã hội thuộc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long; thực hiện việc quản lý, điều hành 02 cơ sở Bến Tre và Trà Vinh đồng thời thực hiện nhiệm vụ, quyền

hạn; phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Vĩnh Long.

- **Cơ sở Dân số Bến Tre:** được sắp xếp, tổ chức lại từ Phòng Dân số thuộc Sở Y tế tỉnh Bến Tre, chịu sự quản lý, điều hành của Giám đốc Sở Y tế và Chi cục trưởng **Chi cục Dân số tỉnh Vĩnh Long**; nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Bến Tre

- **Cơ sở Dân số Trà Vinh:** được sắp xếp, tổ chức lại từ Chi cục Dân số tỉnh Trà Vinh; chịu sự quản lý, điều hành của Giám đốc Sở Y tế và Chi cục trưởng **Chi cục Dân số tỉnh Vĩnh Long**; nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Trà Vinh.

### **3.2. Thành lập Chi cục An toàn thực phẩm**

- **Trụ sở chính tại tỉnh Vĩnh Long:** được sắp xếp và tổ chức lại từ bộ phận An toàn thực phẩm của Phòng Nghiệp vụ Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long; thực hiện việc quản lý, điều hành 02 cơ sở Bến Tre và Trà Vinh đồng thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Vĩnh Long.

- **Cơ sở An toàn thực phẩm Bến Tre:** được sắp xếp, tổ chức lại từ Phòng An toàn thực phẩm thuộc Sở Y tế tỉnh Bến Tre; chịu sự quản lý, điều hành của Giám đốc Sở Y tế và Chi cục trưởng **Chi cục An toàn thực phẩm**; nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Bến Tre.

- **Cơ sở An toàn thực phẩm Trà Vinh:** được sắp xếp, tổ chức lại từ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Trà Vinh; chịu sự quản lý, điều hành của Giám đốc Sở Y tế Chi cục trưởng **Chi cục An toàn thực phẩm**; nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Trà Vinh.

*Thanh tra Sở Y tế tỉnh Trà Vinh và Thanh tra Sở Y tế tỉnh Bến Tre (Thực hiện việc chuyển giao Thanh tra Sở về Thanh tra tỉnh khi có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền).*

### **3.3 Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở:**

#### **3.3.1. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở:**

Trên cơ sở Công văn số 2147/BYT-TCCB ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y tế về hướng dẫn định hướng sắp xếp, tổ chức lại cơ sở y tế tại đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long được sắp xếp, tổ chức lại như sau:

#### **3.3.2. Lĩnh vực Dự phòng, Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế và Pháp y:**

Được thực hiện sáp nhập từ các đơn vị sự nghiệp có cùng tên, cùng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để thành lập đơn vị sự nghiệp công lập mới<sup>2</sup>.

<sup>2</sup> Theo gạch đầu dòng thứ 3 điểm d Khoản 1 Phần I Công văn số 2147/BYT-TCCB ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y tế về Hướng dẫn định hướng sắp xếp, tổ chức lại cơ sở y tế tại đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

**(1) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long**, gồm có 01 trụ sở chính và 02 cơ sở hoạt động:

**a) Trụ sở chính tại Vĩnh Long** (được tổ chức lại từ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long; thực hiện việc quản lý, điều hành 02 cơ sở Bến Tre và Trà Vinh đồng thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Vĩnh Long).

**b) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long cơ sở Bến Tre** (được tổ chức lại từ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre; chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long; nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Bến Tre).

**c) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long cơ sở Trà Vinh** (chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Vĩnh Long; nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Trà Vinh).

Nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi hoạt động, cơ chế phối hợp hoạt động của các cơ sở này, được quy định cụ thể bảo đảm không có sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động giữa các cơ sở.

**(2) Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế Vĩnh Long**, gồm có 01 trụ sở chính và 02 cơ sở hoạt động:

a) Trụ sở chính tại Vĩnh Long (được tổ chức lại từ Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế Vĩnh Long thực hiện việc quản lý, điều hành 02 cơ sở Bến Tre và Trà Vinh đồng thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Vĩnh Long).

b) Cơ sở Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế Bến Tre (được tổ chức lại từ Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, thực phẩm Bến Tre; chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp Giám đốc Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế Vĩnh Long; nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Bến Tre).

c) Cơ sở Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế Vĩnh Long Trà Vinh (được tổ chức lại từ Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Trà Vinh chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm, Thực phẩm và Thiết bị y tế Vĩnh Long; nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Trà Vinh).

Nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi hoạt động, cơ chế phối hợp hoạt động của các cơ sở này, được quy định cụ thể bảo đảm không có sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động giữa các cơ sở.

**(3) Trung tâm Pháp y Vĩnh Long**, gồm có 01 trụ sở chính và 02 cơ sở hoạt động:

**a) Trụ sở chính tại Vĩnh Long** (được tổ chức lại từ Trung tâm Pháp y Vĩnh Long, thực hiện việc quản lý, điều hành 02 cơ sở Bến Tre và Trà Vinh đồng thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Vĩnh Long).

**b) Cơ sở Pháp y Vĩnh Long Bến Tre** (được tổ chức lại từ Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre, chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Giám đốc Trung tâm Pháp y Vĩnh Long; nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Bến Tre).

**c) Cơ sở Pháp y Vĩnh Long Trà Vinh** (được tổ chức lại từ Trung tâm Pháp y tỉnh Trà Vinh, chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Giám đốc Trung tâm Pháp y Vĩnh Long; nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Trà Vinh).

### **3.3.3. Lĩnh vực Giám định Y khoa:**

Chức năng Giám định Y khoa được duy trì trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Giám định Y khoa Vĩnh Long, Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Bến Tre và bộ phận Giám định Y khoa của Bệnh viện đa khoa Trà Vinh; thành lập Trung tâm Giám định Y khoa Vĩnh Long gồm có 01 trụ sở chính và 02 cơ sở hoạt động, cụ thể như sau:

**a) Trụ sở chính tại Vĩnh Long** (được tổ chức lại từ Trung tâm Giám định Y khoa Vĩnh Long, thực hiện việc quản lý, điều hành 02 cơ sở Bến Tre và Trà Vinh đồng thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập – Vĩnh Long).

**b) Cơ sở Giám định Y khoa Bến Tre** (được tổ chức lại từ Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Bến Tre, chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Giám đốc Trung tâm Giám định Y khoa Vĩnh Long; nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập).

**c) Cơ sở Giám định Y khoa Trà Vinh** (được tổ chức lại từ bộ phận Giám định Y khoa của Bệnh viện đa khoa Trà Vinh, chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của Giám đốc Trung tâm Giám định Y khoa Vĩnh Long; nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại khu vực tỉnh trước sáp nhập).

### **3.3.4. Lĩnh vực bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội**

a) Duy trì, giữ nguyên các cơ sở bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội hiện có để duy trì việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp xã hội, dịch vụ công tác xã hội đáp ứng nhu cầu của người dân và các đối tượng bảo trợ xã hội tại địa phương<sup>3</sup>.

**b) Giải thể Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Vĩnh Long** (Kiện toàn lại Hội đồng bảo trợ Quỹ Bảo trợ trẻ em Trên cơ sở Hợp nhất Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Bến Tre, Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Vĩnh Long, và Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Trà Vinh);

### **3.3.5. Các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa và khu vực: 20 bệnh viện**

Duy trì, giữ nguyên các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hiện có để duy trì việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ sở hoặc chuyên sâu đáp ứng nhu cầu của người dân tại địa phương<sup>4</sup>.

<sup>3</sup> Theo gạch đầu dòng thứ 2 điểm d Khoản 1 Phần I Công văn số 2147/BYT-TCCB ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y tế về Hướng dẫn định hướng sắp xếp, tổ chức lại cơ sở y tế tại đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

<sup>4</sup> Theo gạch đầu dòng thứ 2 điểm d Khoản 1 Phần I Công văn số 2147/BYT-TCCB ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y tế về Hướng dẫn định hướng sắp xếp, tổ chức lại cơ sở y tế tại đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

**(1) Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long.**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long (tỉnh Vĩnh Long).

**(2) Bệnh viện Đa khoa khu vực Hòa Phú.**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Đa khoa khu vực Hòa Phú (tỉnh Vĩnh Long).

**(3) Bệnh viện Đa khoa khu vực kết hợp Quân Dân Y.**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Đa khoa khu vực kết hợp Quân Dân Y (tỉnh Vĩnh Long).

**(4) Bệnh viện Chuyên khoa Mắt Vĩnh Long.**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Chuyên khoa Mắt Vĩnh Long (tỉnh Vĩnh Long).

**(5) Bệnh viện Phổi Vĩnh Long.**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Phổi Vĩnh Long (tỉnh Vĩnh Long).

**(6) Bệnh viện Tâm Thần Vĩnh Long**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Tâm Thần Vĩnh Long (tỉnh Vĩnh Long).

**(7) Bệnh viện Y dược cổ truyền Vĩnh Long.**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Y dược cổ truyền Vĩnh Long (tỉnh Vĩnh Long).

**(8) Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh.**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện đa khoa Trà Vinh (tỉnh Trà Vinh), chuyển bộ phận Giám định Y khoa về Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Vĩnh Long.

**(9) Bệnh viện Phổi Trà Vinh.**

Được duy trì, tổ chức lại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi (tỉnh Trà Vinh) thành Bệnh viện Phổi Trà Vinh.

**(10) Bệnh viện Sản - Nhi Trà Vinh – Vĩnh Long**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Sản - Nhi (tỉnh Trà Vinh).

**(11) Bệnh viện Y Dược Cổ truyền Trà Vinh – Vĩnh Long**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Y Dược Cổ truyền Trà Vinh (tỉnh Trà Vinh).

**(12) Bệnh viện Phục hồi chức năng Trà Vinh – Vĩnh Long**

(Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Phục hồi chức năng (tỉnh Trà Vinh).

**(13) Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần**

(Được duy trì, giữ nguyên Bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần (tỉnh Trà Vinh).

**(14) Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang**

(Được duy trì, giữ nguyên Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang (tỉnh Trà Vinh).

**(15) Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu (tỉnh Bến Tre).

**(16) Bệnh viện Đa khoa khu vực Cù Lao Minh**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh (tỉnh Bến Tre).

**(17) Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri (tỉnh Bến Tre).

**(18) Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An (tỉnh Bến Tre).

**(19) Bệnh viện Phổi Bến Tre**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Phổi (tỉnh Bến Tre).

**(20) Bệnh viện Tâm thần Bến Tre**

Được duy trì, giữ nguyên từ Bệnh viện Tâm thần (tỉnh Bến Tre).

**3.3.5. Các Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố: 26**

Sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế cấp huyện, thị xã, thành phố hiện có thành Trung tâm Y tế khu vực<sup>5</sup>.

(1) Trung tâm Y tế **khu vực** Vĩnh Long (*Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long*).

(2) Trung tâm Y tế **khu vực** Long Hồ (*Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*).

(3) Trung tâm Y tế **khu vực** Mang Thít (*Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long*).

(4) Trung tâm Y tế Nguyễn Văn Thủ (*Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế Nguyễn Văn Thủ - huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long*).

(5) Trung tâm Y tế **khu vực** Tam Bình (*Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long*).

(6) Trung tâm Y tế **khu vực** Trà Ôn (*Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long*).

(7) Trung tâm Y tế **khu vực** Bình Tân (*Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long*).

(8) Trung tâm Y tế **khu vực** Bình Minh (*Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung*

<sup>5</sup> Theo gạch đầu dòng thứ 4 điểm d Khoản 1 Phần I Công văn số 2147/BYT-TCCB ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y tế về Hướng dẫn định hướng sắp xếp, tổ chức lại cơ sở y tế tại đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

tâm Y tế thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long).

(9) Trung tâm Y tế **khuvực** Trà Vinh (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế thành phố Trà Vinh)

(10) Trung tâm Y tế **khuvực** Châu Thành A (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huey65n Châu Thành, tỉnh Trà Vinh);

(11) Trung tâm Y tế **khuvực** Cầu Ngang (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh).

(12) Trung tâm Y tế **khuvực** Tiểu Cần (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh).

(13) Trung tâm Y tế **khuvực** Duyên Hải (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh).

(14) Trung tâm Y tế **khuvực** Càng Long (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh).

(15) Trung tâm Y tế **khuvực** Cầu Kè (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh).

(16) Trung tâm Y tế **khuvực** Trà Cú (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh).

(17) Trung tâm Y tế **khuvực** Long Thành (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh).

(18) Trung tâm Y tế **khuvực** Bến Tre (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).

(19) Trung tâm Y tế **khuvực** Mỏ Cày Nam (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre).

(20) Trung tâm Y tế **khuvực** Mỏ Cày Bắc (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre).

(21) Trung tâm Y tế **khuvực** Ba Tri (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre).

(22) Trung tâm Y tế **khuvực** Chợ Lách (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre).

(23) Trung tâm Y tế **khuvực** Thạnh Phú (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre).

(24) Trung tâm Y tế **khuvực** Giồng Trôm (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre).

(25) Trung tâm Y tế **khuvực** Bình Đại (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre).

(26) Trung tâm Y tế **khuvực** Châu Thành (Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre).

### 3.3.6. Đối với Trạm Y tế xã

Sắp xếp các Trạm Y tế tại cấp xã cũ thành 01 Trạm Y tế tại cấp xã mới và có

các điểm Y tế tại các xã cũ để phục vụ người dân<sup>6</sup>.

Hiện nay, sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của 3 tỉnh có tổng số 124 đơn vị hành chính cấp xã: trong đó tỉnh Vĩnh Long có 35 đơn vị hành chính cấp xã (27 xã, 08 phường), tỉnh Trà Vinh có 41 đơn vị hành chính (35 xã; 06 phường); tỉnh Bến Tre có 48 đơn vị hành chính (43 xã; 05 phường);

#### **4. Đối với hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn thể**

a) Thành lập Đảng bộ cơ sở Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long trực thuộc Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Kết thúc hoạt động Công đoàn cơ sở văn phòng Sở Y tế.

## **II. PHƯƠNG ÁN VỀ XỬ LÝ NHÂN SỰ**

Tổ chức hợp nhất Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long, Sở Y tế tỉnh Bến Tre và Sở Y tế tỉnh Trà Vinh, bao gồm việc hợp nhất các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, việc bổ nhiệm các chức vụ Trưởng, Phó trưởng phòng do Đảng ủy cơ sở và Ban Giám đốc 3 Sở Y tế thống nhất thực hiện.

- Đối với Đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc Sở Y tế có sáp nhập thì Ban Giám đốc do Đảng ủy cơ sở và Ban Giám đốc 3 Sở Y tế thống nhất bổ nhiệm; đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện tổ chức lại sẽ giữ nguyên Ban Giám đốc, số lượng người làm việc và hợp đồng làm việc theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ theo số lượng được giao.

- Trường hợp chưa có đủ cơ cấu nhân sự, Sở Y tế sẽ thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định hiện hành.

## **III. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TÀI CHÍNH**

Nguồn tài chính của Sở Y tế

Thực hiện theo Công văn số 2516/UBND-TH ngày 9/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp.

Nguồn tài chính của các cơ sở y tế bao gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước.
- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp:
  - + Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công;
  - + Thu từ hoạt động hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công;
  - + Thu từ cho thuê tài sản công: Đơn vị thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê tài sản công.
- Nguồn thu phí được để lại đơn vị sự nghiệp công để chi theo quy định của

<sup>6</sup> Theo Công văn 68/CV-BCĐ ngày 28/5/2025 về việc định hướng sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

pháp luật về phí, lệ phí.

- Nguồn vốn vay của đơn vị; nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.
- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

(\*) Cơ sở hạ tầng và tài sản, trang thiết bị hiện có:

Trong thời gian vừa qua được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, ngành Y tế Vĩnh Long đã được phê duyệt đầu tư về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Trang thiết bị y tế đã được đầu tư, mua sắm cho các Trung tâm y tế cơ bản đáp ứng được nhu cầu khám bệnh ban đầu và dần từng bước đáp ứng các kỹ thuật chuyên môn sâu theo phân tuyến.

Các Cơ sở y tế tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập đã được UBND tỉnh phê duyệt đến khi có thay đổi khác của cấp có thẩm quyền.

#### **IV. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TRỤ SỞ, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, ĐẤT ĐAI VÀ TRANG, THIẾT BỊ; NHÀ CÔNG VỤ; PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI**

Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 2454/BTC-QLCS ngày 28/02/2025 về việc hướng dẫn xử lý tài sản khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy và Công văn số 4891/BTC-QLCS ngày 16/4/2025 về việc hướng dẫn bổ sung việc sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính, cụ thể:

##### **1. Phương án bố trí trụ sở làm việc, tài sản, đất đai**

Sở Y tế 3 tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh tiến hành tổ chức thực hiện đánh giá công tác tài chính; rà soát, thống kê trụ sở làm việc và tài sản, đất đai công theo đúng các quy định hiện hành để làm cơ sở cho công tác bàn giao trước khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị.

Trên cơ sở số lượng cán bộ, công chức, người lao động hiện có; hiện trạng trụ sở làm việc đã được cấp có thẩm quyền bàn giao để bố trí sử dụng các trụ sở làm việc cho Sở Y tế. Đối với các cơ quan cũ, xuống cấp, sẽ tiến hành khảo sát, sửa chữa kịp thời để đảm bảo điều kiện làm việc.

##### **2. Phương án bố trí thiết bị**

Cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục sử dụng trang, thiết bị làm việc hiện có. Trường hợp trang, thiết bị cũ, hư hỏng giao thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tự rà soát theo tiêu chuẩn để bố trí trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo trang thiết bị làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức.

Thủ trưởng đơn vị quán triệt đến cán bộ, công chức, người lao động kế hoạch hoạt động của cơ quan nơi làm việc mới, có kế hoạch khảo sát, vận chuyển hồ sơ, trang thiết bị, máy móc văn phòng còn sử dụng được tại trụ sở cũ đến lắp đặt tại trụ sở mới để phục vụ công tác chuyên môn với thời gian nhanh nhất; đảm bảo công việc được xử lý liên tục, thông suốt, không làm ảnh hưởng, gián đoạn đến việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan. Việc thực hiện phải đảm bảo an toàn, nhanh chóng, tiết kiệm, khoa học, huy động tối đa nhân lực cơ quan để thực hiện.

Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo bộ phận chuyên môn lập danh mục, phân loại hồ sơ tài liệu, tài sản trang thiết bị để đảm bảo quản lý vận chuyển an toàn, không làm thất thoát, hư hỏng. Thực hiện quản lý theo dõi sổ sách kế toán để đối chiếu, cập nhật vào cơ quan mới.

Thông kê những tài sản, thiết bị còn thiếu để đề nghị trang bị theo tiêu chuẩn, định mức.

Tận dụng nguồn nhân lực của đơn vị hoặc thuê phương tiện vận chuyển chuyên nghiệp để thực hiện tháo dỡ, lắp đặt.

### **3. Phương án bố trí nhà ở công vụ**

Sử dụng các trụ sở làm việc, nhà ở xã hội, ký túc xá và các trường học không có nhu cầu sử dụng để cải tạo và sửa chữa cho phù hợp với nhu cầu sử dụng, có phương án sắp xếp, bố trí cho cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị hành chính 02 tỉnh (Bến Tre và Trà Vinh) có nhu cầu lưu trú để ổn định điều kiện làm việc tại đơn vị, đảm bảo sức khỏe, điều kiện ăn ở, sinh hoạt.

### **4. Phương án bố trí phương tiện đi lại từ tỉnh Trà Vinh, Bến Tre đến tỉnh Vĩnh Long**

Đối với cán bộ, công chức đáp ứng đủ tiêu, chức danh theo quy định: Bố trí xe đưa đón từ nhà đến trụ sở làm việc.

Đối với cán bộ, công chức còn lại: Trước mắt, để tạo điều kiện cho công chức, người lao động ổn định, yên tâm công tác, không làm xáo trộn quá nhiều về cuộc sống; trên cơ sở nhu cầu đi lại cụ thể, định kỳ hàng tuần thủ trưởng đơn vị tổ chức thuê mượn phương tiện đưa rước cán bộ, công chức, người lao động có nhu cầu di chuyển từ tỉnh Trà Vinh, Bến Tre đến nơi làm việc mới theo quy chế của cơ quan, đơn vị.

## **V. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN**

Thực hiện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền

### **Phần thứ tư**

## **BÁO CÁO GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ THÀNH LẬP TỔ CHỨC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

Thực hiện theo yêu cầu tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW; tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan, đơn vị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối; chức năng, nhiệm vụ được rà soát, điều chỉnh đảm bảo hợp lý, khắc phục được tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý.

### **Phần thứ năm**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC SỞ VÀ CÁC CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP SỞ Y TẾ VÀ THỜI HẠN XỬ LÝ**

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết thành lập Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long; UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung sau:

## **I. TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC SỞ VÀ CÁC CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG**

### **1. Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện:**

- Tiếp nhận, quản lý tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính, hồ sơ, tài liệu có liên quan đảm bảo phục vụ hoạt động của đơn vị mới được tiếp nối liên tục, không bị gián đoạn, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

- Thực hiện thu hồi con dấu và đăng ký mẫu con dấu mới của Sở và các đơn vị trực thuộc sau khi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành.

- Thực hiện trình tự, thủ tục trình cấp có thẩm quyền đối với việc tổ chức lại, giải thể, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở và các tổ chức, đơn vị trực thuộc theo phương án đề ra tại Đề án này.

- Căn cứ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, Giám đốc sở lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cùng cấp để ban hành tiêu chí đánh giá phù hợp với đặc điểm tình hình và thực tiễn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Thực hiện rà soát, đánh giá, xây dựng phương án sắp xếp, bố trí đối với Công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc, đồng thời sàng lọc, lựa chọn đối tượng nghỉ việc gắn với việc cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý để cơ quan, tổ chức, đơn vị hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm không làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành thì số lượng công chức viên chức lãnh đạo, quản lý và số lượng công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, tổ chức đơn vị sau sắp xếp theo đúng quy định.

- Kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy bên trong đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị trong tình hình mới; thực hiện rà soát, tinh giản biên chế đối với các trường hợp không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Thực hiện tốt chính sách cán bộ theo quy định, đảm bảo thực hiện lộ trình giảm dần tiến tới thực hiện đúng số lượng lãnh đạo, quản lý và thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế theo quy định.

### **2. Các Sở trước khi hợp nhất:**

- Rà soát, đề xuất Sở Nội vụ quyết định điều động công chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

- Thực hiện điều chuyển viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

**3. Sở Tài chính:** Phối hợp Hướng dẫn việc kê khai, xử lý tài chính, tài sản của các Sở và các đơn vị sự nghiệp công lập.

**4. Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan:** Theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp triển khai thực hiện Đề án đảm bảo đạt hiệu quả.

## II. THỜI HẠN XỬ LÝ

### Giai đoạn 1: Chuẩn bị (Hiện tại - tháng 5/2025):

Hoàn thiện đề án hợp nhất và trình HĐND, UBND tỉnh thông qua.

Thành lập Ban Chỉ đạo liên tỉnh về tổ chức lại ngành Y tế, gồm đại diện UBND 3 tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Y tế và các sở ngành liên quan để chỉ đạo thống nhất và xử lý vướng mắc kịp thời.

Thực hiện kiểm kê toàn diện về nhân sự, tài chính, tài sản và các dự án đang triển khai.

Xây dựng kế hoạch chi tiết về cơ cấu tổ chức, sắp xếp nhân sự, quản lý tài chính và chuyển giao tài sản.

### Giai đoạn 2: Thành lập chính thức và chuyển đổi ban đầu (tháng 6 - 8/2025):

Ban hành các quyết định thành lập chính thức Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long mới cùng các phòng ban và đơn vị trực thuộc mới.

Thực hiện thu hồi con dấu cũ, đăng ký mẫu con dấu mới và quản lý tài liệu chính thức.

Triển khai việc sắp xếp lại nhân sự, bổ nhiệm và giải quyết các trường hợp dôi dư theo kế hoạch và chính sách đã được phê duyệt.

Chuyển giao các tài khoản tài chính, ngân sách, tài sản và các dự án đang triển khai.

### Giai đoạn 3: Ổn định và tối ưu hóa (Sau tháng 8/2025):

Xây dựng các quy định, quy chế nội bộ mới, quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ rõ ràng.

Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức để thích ứng với vai trò và trách nhiệm mới.

Liên tục giám sát, đánh giá và điều chỉnh hoạt động để đảm bảo Sở mới vận hành hiệu quả.

## Phần thứ sáu

### KIẾN NGHỊ CỦA CƠ QUAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

#### I. NHỮNG KHÓ KHĂN

**1. Thời gian và khối lượng công việc:** Thời gian chuẩn bị và thực hiện gấp (khoảng nửa cuối tháng 4/2025), tạo áp lực lớn cho toàn hệ thống.

**2. Công tác quản lý, điều hành:** Địa bàn quản lý rộng, phạm vi lớn, dân số cao, địa hình phức tạp, thời gian di chuyển xa từ trung tâm hành chính. Sự khác biệt trong cách quản lý, điều hành giữa các Sở cũ cần thời gian để thống nhất.

**3. Sắp xếp tổ chức:** Tổ chức mới có quy mô lớn hơn, khối lượng nhiệm vụ nhiều, đòi hỏi sự đồng thuận cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện; cần có sự cải tiến, thay đổi quy trình làm việc. Việc chưa có mô hình chung trong xây dựng phương án sáp nhập đơn vị sự nghiệp công lập gây khó khăn trong đề xuất phương án tổ chức.

**4. Sắp xếp nhân sự:** Việc hợp nhất ảnh hưởng trực tiếp đến tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, công chức, viên chức do có thể dôi dư, luân chuyển hoặc phải thay đổi địa bàn công tác. Điều này đòi hỏi công tác tư tưởng tốt và chính sách hỗ trợ phù hợp.

**5. Công tác chuyên môn:** Công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch, an toàn vệ sinh thực phẩm và thực hiện chương trình mục tiêu có thể bị ảnh hưởng ban đầu do thủ tục chuyển kinh phí và sự khác biệt trong đầu tư thuốc, vật tư y tế giữa các tỉnh. Việc chuyển giao Trạm Y tế xã về UBND cấp xã cũng có thể gây khó khăn ban đầu cho chăm sóc sức khỏe ban đầu.

**6. Chuyển đổi số:** Có sự không đồng đều về cơ sở hạ tầng CNTT và nền tảng số y tế giữa các tỉnh, gây khó khăn cho việc tích hợp bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử và các yêu cầu chuyển đổi số khác.

## II. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Đề án thành lập Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long, Sở Y tế tỉnh Bến Tre và Sở Y tế tỉnh Trà Vinh là một bước đi cần thiết và phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Việc này nhằm mục tiêu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng dịch vụ y tế, đồng thời tối ưu hóa nguồn lực và đóng góp vào sự phát triển bền vững của khu vực.

Để đảm bảo quá trình hợp nhất diễn ra thuận lợi và đạt hiệu quả cao nhất, kính đề nghị:

1. Thành lập Ban chỉ đạo liên tỉnh về tổ chức lại ngành Y tế gồm đại diện UBND 3 tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Y tế và các sở ngành liên quan để có sự chỉ đạo thống nhất, xử lý vướng mắc kịp thời trong quá trình sắp xếp.

2. Ban hành quy chế phối hợp liên tỉnh làm rõ trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế phối hợp giữa các cấp địa phương của 3 tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh

3. Phê duyệt Đề án tổ chức lại Sở Y tế mới trên cơ sở xác định rõ mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ và cơ cấu bộ máy của Sở Y tế mới của tỉnh.

4. Ban hành cơ chế điều chuyển, bố trí lại nhân sự phù hợp và có chính sách hỗ trợ, giải quyết chế độ cho người nghỉ việc, luân chuyển hoặc được đào tạo lại.

5. Hỗ trợ ngân sách chuyển tiếp trong 2 năm đầu để đảm bảo ổn định hoạt động và chi phí vận hành trong giai đoạn đầu hợp nhất.

6. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin y tế dùng chung: Triển khai hệ thống quản lý y tế thông minh, bệnh án điện tử liên tỉnh, phần mềm điều hành tập trung.

7. Xây dựng trung tâm điều phối y tế liên vùng với nhiệm vụ giám sát, điều hành dịch vụ y tế, điều chuyển trang thiết bị và nhân lực.

### Phần thứ bảy

## ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

Sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện sẽ tinh gọn bộ máy, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực y tế.

Trước khi sáp nhập Sở Y tế 3 tỉnh có 17 phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn, 2 Chi cục, 62 đơn vị sự nghiệp y tế công lập, kết quả sau khi sáp nhập, sắp xếp tổ chức lại, Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long còn 6 phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn, 2 Chi cục và 54 đơn vị sự nghiệp y tế công lập giảm 11 phòng và 8 đơn vị sự nghiệp y tế công lập, gồm có:

- 11 phòng: (Tổng cộng 17 phòng: Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long có 4 Phòng, Sở Y tế tỉnh Bến Tre có 7 phòng và Sở Y tế tỉnh Trà Vinh có 6 phòng)

- 08 Đơn vị sự nghiệp y tế công lập: 2 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, 2 Trung tâm Kiểm nghiệm, 2 Trung tâm Pháp Y, 01 Trung tâm Giám định Y khoa và giải thể Quỹ Bảo trợ trẻ em của tỉnh Bến Tre.

Việc sáp nhập Sở Y tế ba tỉnh nhằm mục tiêu tinh gọn bộ máy hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Sáp nhập giúp giảm chồng chéo chức năng, tăng cường phối hợp và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội khu vực, mang lại những hiệu quả về kinh tế, xã hội như sau:

### **1. Hiệu quả kinh tế:**

#### **1.1 Tiết kiệm chi phí và cơ sở vật chất:**

- Sáp nhập giúp tinh giản bộ máy quản lý, giảm đầu mối trung gian, giảm số lượng lãnh đạo: Mỗi Sở Y tế hiện tại có bộ máy gồm Giám đốc, từ 2–4 Phó Giám đốc cùng Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn. Sau khi sáp nhập, chỉ cần duy trì một Giám đốc, một số Phó Giám đốc và bộ máy chuyên môn cấp liên tỉnh, giảm ít nhất 50% biên chế cấp lãnh đạo hành chính trung gian. Ước tính chi phí cho bộ máy hành chính mỗi Sở khoảng 6–10 tỷ đồng/năm. Việc sáp nhập có thể tiết kiệm hàng chục tỷ đồng/năm từ chi phí lương, phụ cấp, công tác phí.

- Giảm số lượng nhân viên hành chính trùng lặp: Các vị trí như kế toán, văn thư, nhân sự, thống kê, quản lý văn phòng... đang trùng lặp tại 3 Sở, được hợp nhất; Hệ thống hành chính tinh gọn giúp cắt giảm ít nhất 30–40% chi phí vận hành bộ phận hậu cần – hành chính.

- Việc giảm các phòng ban tương đồng tại từng tỉnh thành một đầu mối chung giúp tiết kiệm hàng tỷ đồng chi phí lương, văn phòng phẩm, vận hành trụ sở.

- Việc hợp nhất các trung tâm y tế tuyến tỉnh giúp tận dụng chung trang thiết bị, tránh lãng phí cơ sở vật chất; Tăng hiệu suất sử dụng thiết bị; Giảm thiểu chi phí mua sắm mới; Giảm áp lực bảo trì – bảo dưỡng do giảm thiết bị dư thừa; Giảm đầu tư dàn trải.

#### **1.2. Hiệu quả sử dụng ngân sách y tế:**

Ngân sách được tập trung, ưu tiên đầu tư cho các Trung tâm y tế hoạt động hiệu quả, nâng cao năng lực khám chữa bệnh. Tỉnh mới có thể đầu tư đồng bộ trang thiết bị y tế hiện đại, chuyên sâu. Điều này giúp nâng cao chất lượng dịch vụ mà không tăng chi phí tổng thể.

1.3. Hiệu quả tài chính: Sau sáp nhập, tổng chi phí vận hành giảm do tinh giản nhân sự và hợp nhất cơ sở vật chất, trong khi doanh thu từ dịch vụ y tế công và dịch vụ kỹ thuật cao được cải thiện nhờ nâng cao chất lượng và quy mô hoạt động.

1.4. Tác động đến đầu tư dài hạn: Sáp nhập tạo điều kiện thuận lợi cho quy hoạch phát triển y tế vùng, phát huy thế mạnh kinh tế biển, phát triển hạ tầng y tế đồng

bộ, hiện đại, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

## **2. Hiệu quả xã hội:**

- Cải thiện chất lượng dịch vụ y tế: Thời gian chờ khám chữa bệnh giảm nhờ tổ chức lại hệ thống y tế tuyến tỉnh và huyện, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ. Người dân hài lòng hơn với dịch vụ y tế được nâng cao về kỹ thuật và tiện ích.

- Tác động đến nhóm dễ bị tổn thương: Người nghèo và vùng sâu vùng xa được hưởng lợi nhờ mở rộng phạm vi phục vụ và phối hợp nguồn lực y tế giữa ba tỉnh, giảm khoảng cách tiếp cận dịch vụ. Việc sáp nhập giúp tăng cường phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng và chăm sóc sức khỏe ban đầu hiệu quả hơn, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- Cung cấp dịch vụ y tế công cộng: Việc tổ chức lại các Trung tâm kiểm soát bệnh tật theo tỉnh mới giúp tăng cường năng lực phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe ban đầu đồng bộ, hiệu quả hơn.

- Tác động đến nhân viên y tế: Nhân viên y tế có cơ hội đào tạo nâng cao chuyên môn, làm việc trong môi trường hiện đại hơn. Tuy nhiên, cần quan tâm ổn định việc làm, giải quyết khó khăn di chuyển công tác giữa các địa phương sau sáp nhập để tránh mất cân bằng nguồn nhân lực và phản ứng tiêu cực.

Trên đây là Đề án thành lập Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long./.

### **Nơi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ban TCD-NC;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TCHC.

**GIÁM ĐỐC**

**Hồ Thị Thu Hằng**